

Liệt sỹ NGUYỄN VĂN THẠC SỐNG MÃI TUỔI HAI MƯƠI - VỚI TÀI NĂNG, BẢN LĨNH NGHỊ LỰC VÀ TÌNH YÊU CAO ĐẸP

THS. CAO VĂN THỊNH - Khoa KHXH & NV

TRONG hai cuộc kháng chiến, hàng triệu người Việt Nam anh hùng đã hy sinh cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của Tổ quốc và của nhân dân ta. Họ đã nằm yên trong lòng đất mẹ, an nghỉ trong tâm hồn tình cảm của mỗi người dân Việt Nam. Bây giờ nhìn vào những tấm bia, những mộ chí, những bảng vàng ghi công, chúng ta ít được biết về họ, thế hệ trẻ càng ít được biết về cuộc đời và những chiến công của họ, có chăng chỉ biết được một số người, vì họ là những anh hùng, dũng sỹ được ghi tên, được nhắc tên nhiều lần trên báo chí, trên truyền thanh, truyền hình... Bây giờ chúng ta còn được biết thêm một số người nữa qua một số thông tin tư liệu như thư từ, nhật ký của họ, lời kể của người thân... Họ đã sống rất bình dị nhưng rất anh hùng, chết rất vẻ vang. Trong số đó có liệt sỹ Nguyễn Văn Thạc, bình sinh ở tuổi hai mươi là người rất giàu tài năng, bản lĩnh và tình yêu cao đẹp, đã hiến dâng cả cuộc đời cho lý tưởng cách mạng, cho sự nghiệp vinh quang đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đọc tác phẩm Nhật ký “**Sống mãi tuổi hai mươi**”⁽¹⁾ và các dòng thư của Nguyễn Văn Thạc chúng ta được biết rõ về anh, một người chiến sỹ trẻ tuổi, nhập ngũ năm anh chưa đầy mười chín tuổi, hy sinh năm anh chưa tròn hai mươi tuổi. Tuổi trẻ của Nguyễn Văn Thạc rất nhiều tài năng. Thời là học sinh phổ thông vừa học vừa làm Thạc đã phấn đấu học tập tốt, cả 10 năm đều đạt loại học sinh giỏi toàn diện. Năm lớp 7 anh thi đạt giải nhì (không có giải nhất) môn Văn thành phố Hà Nội. Năm học lớp 10 anh thi đạt giải nhất cuộc thi học sinh giỏi môn Văn toàn miền Bắc. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, anh đã thi đỗ vào Khoa Toán - Cơ, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trở thành sinh viên,

vừa học năm thứ nhất anh vừa tự học để hoàn thành chương trình năm thứ hai và được nhà trường đồng ý cho học thẳng năm thứ ba. Thật là một tài năng học tập hiếm có của bấy giờ và của cả bây giờ.

Khi đó cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược đang diễn ra quyết liệt nhất, Nhà nước phải dốc hết sức, phải tiến hành Lệnh tổng động viên để quân ta có xung lực tiến lên “chôm lên”⁽²⁾ đánh gục giặc Mỹ. Hàng nghìn sinh viên các trường Đại học nghe theo tiếng gọi của Đảng đã lên đường nhập ngũ. Nguyễn Văn Thạc cũng trong đội ngũ sinh viên ấy lên đường gia nhập lực lượng vũ trang, trở thành anh bộ đội. Những ngày đầu tiên ghi nhật ký anh đã ghi lại cảm nghĩ của mình: “Cuộc đời bộ đội đến với Thạc tự nhiên quá, bình thản quá và cũng đột ngột quá”⁽³⁾ anh cảm thấy “sung sướng tự hào trút bỏ không thương tiếc quân áo sinh viên, khoác lên mình màu xanh áo lính, màu xanh của núi đồi của thảo nguyên của ước mơ và hy vọng. Màu xanh bất diệt của sự sống”. Khi Tổ quốc cần trao cho anh vũ khí, làm người chiến sĩ giết giặc cứu nước anh đã nói lên tình cảm của mình với khẩu súng được trao: “Ta yêu khẩu súng AK này như người yêu năm ấy, khẩu súng ơi, sẽ gắn bó với đời ta, cùng sống chết với ta”.

Vốn là một thanh niên tài năng, nên anh mới có nhận thức rất xác thực về hoàn cảnh và thời cuộc. Anh nói rất đúng về ta, sức ta và nghĩ rất đúng vì sao chúng ta phải làm như vậy: “Đất nước phải dốc ra cái vốn quý của đội ngũ trí thức! Ai dám bảo ta còn sung sức lắm! Không dân tộc ta phải hy sinh nhiều rồi, còn phải hy sinh nữa! Nhưng độc lập tự do thì không thể nào để mất”. Anh hiểu rất sâu sắc về nghĩa vụ

(1) Nhật ký **Sống mãi tuổi hai mươi**, NXB Thanh niên Hà Nội - 2005.

(2) Chữ dùng trong một chỉ thị của Trung ương Đảng gửi cán bộ chiến sỹ trên chiến trường miền Nam năm 1972.

(3) Những dòng chữ trong ngoặc kép trích dẫn các từ, các câu trong nhật ký và thư của Nguyễn Văn Thạc.

và trách nhiệm của bản thân mình “Tự hào về vị trí mũi nhọn của mình, về trách nhiệm lớn lao của mình trước lịch sử dân tộc”. Ngay lúc bấy giờ anh đã đưa ra nhận định đáng giá “Giờ phút con người với đất nước là một và người lính trở thành con người lý tưởng của thời đại”.

Là một học sinh giỏi Văn do đó anh có năng lực nhận xét, đánh giá rất hay và rất đúng về thơ và sự đóng góp, sự phát triển của các nhà thơ trẻ như Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Bế Kiến Quốc, Ca Lê Hiến, Trần Đăng Khoa ... Nghị về cây bút trẻ Hà Nội “Hoàng Nhuận Cầm cùng trang lứa anh cũng có nhận định rất đúng về con người và hành vi “Nó thật đáng yêu và con người của nó hoàn toàn thuộc về nghệ thuật” hay “nó nắm bắt mạch thơ đúng thể tướng như lời nào của nó cũng là thơ” và những hạn chế: “Có điều là những cái nó viết ra xanh xao lắm, hơi trừu tượng, nó đềm đẹp và trơn tru, nhẵn nhụi. Nó thiếu một sức ấm lan toả. Có lẽ điều đó không phải không đáng ngại”. Nói về người nghệ sỹ cách mạng: “ Sự tu dưỡng nghệ thuật luôn phải gắn liền sự tu dưỡng của bản thân”. Anh đánh giá rất cao về những vần thơ của Phạm Tiến Duật “Đã có tác dụng lớn lao trong cuộc chiến đấu mãnh liệt ở tiền phương và hậu phương”. Là một người có năng lực văn học, đứng trong quân ngũ anh muốn “Cống hiến cho đời bằng dòng máu và dòng thơ”. Muốn noi gương Bôrit-Bôlêvôi noi gương Nguyễn Thi tác giả “Người mẹ cầm súng” đã hy sinh anh đứng trên chiến trường.

Nguyễn Văn Thạc còn có bề rộng, bề sâu kiến thức văn học nước ngoài. Anh đã đọc và rất hiểu các nhà văn, các tác phẩm văn học như “Thép đã tôi như thế đấy” của A.Xtôpôpsky; “Rômêô và Juyliét của Shakespeare”; “Sông Đông êm đềm” của Sôlôkhốp và rất nhiều tác phẩm tác giả Nga Xô Viết, của Trung Quốc, Hy Lạp, yêu thích các nhân vật văn học như ĐuySen và Altunai, PaVen và Tônhia, Gorigori và Acxinhia, thuộc cả lời nói của Ăng ghen “Bàn về cái đẹp”: Cái đẹp sở dĩ tuyệt diệu, chính vì nó không dung thứ cho kẻ giả dối cũng như tính gian tham, cái đẹp không thể dung hoà với bất kỳ sự bẩn thỉu nào.

Đặc biệt anh rất nhớ, nhớ như in lời dạy thanh niên của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, lấy đó làm lẽ sống niềm tin hướng cuộc đời mình vào cuộc đấu tranh cách mạng thực hiện lý tưởng cao đẹp của Đảng ta.

Đi bộ đội được chín ngày, từ những hiểu biết thế cuộc, từ vốn kiến thức khá sâu sắc, trong một lá thư gửi cho Như Anh, người bạn gái thân yêu của mình. Nguyễn Văn Thạc đã có dự cảm chính xác về ngày chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 của dân tộc ta. Anh viết: “Bất kỳ một sự vinh quang nào cũng phải trả một giá. Và khó khăn gian khổ càng nhiều và thử thách càng nhiều sự vinh quang đó càng trở nên rực rỡ. Chúng ta đừng đi tìm chân lý sâu xa đơn thuần qua những áng văn và những bài thơ và bài toán. 30/4/1975 T sẽ trả lời P⁽⁴⁾ câu hạnh phúc là gì?”. Anh còn nhắc lại cho Như Anh nhớ chính xác về ngày 30/4/1975 trong một lá thư khác. Dự cảm đó trước gần bốn năm cũng là một hiện tượng kỳ lạ, phản ánh một tài năng. Cũng như mỗi lần nữa chúng ta đọc hai câu thơ của Lê Anh Xuân viết từ năm 1966:

“Sài Gòn sẽ là ngôi sao năm cánh

Năm cánh quân là năm cánh sao vàng”.

Thì ngày 26/4/1975 chúng ta tiến vào Sài Gòn bằng năm cánh quân đó chẳng phải là dự cảm của nhà thơ về các cánh quân trong chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn mà đến nay ai cũng biết đó sao?

Một tài năng nữa mà ai cũng phải cảm phục. Đó là năng lực về ngôn ngữ và tạo lập văn bản. Chỉ trong một thời gian ngắn, người lính binh nhì Nguyễn Văn Thạc đã viết được 240 trang nhật ký, ghi được từ ngày 02/10/1971 đến 25/5/1972 trước khi vào mặt trận Quảng Trị mà anh đặt tên cho nó là “Chuyện đời” còn “Chuyện biển” là một số trang thơ nhật ký chẳng may bị thất lạc khi gửi ở nhà dân. Trong 90 ngày ghi nhật ký, nhiều bài nhật ký đã là một bài tản văn, tạp văn, một bài ký chỉ cần đặt tên là trở thành một bài văn trọn vẹn, hoặc có cả những bài thơ chưa đặt đầu đề hoặc đã đặt đầu đề, có giá trị nội dung và nghệ thuật. Và hàng nghìn trang thư gửi cho người yêu Phạm Như Anh đang học tại Liên Xô, cho bố mẹ, anh em, bạn bè. Trong

(4) T và P là chữ viết tắt chữ Nguyễn Văn Thạc và Phạm Như Anh.

những lá thư đó không chỉ đơn giản là cung cấp thông tin của bản thân mà còn áp ủ những ước mơ lớn hơn nhiều, anh viết cho người anh trai của mình: “Em muốn những trang thư là những dòng suy nghĩ về đời, về người, về cuộc sống và những chân lý mà bất kỳ ai sống có trách nhiệm phải suy nghĩ đến”.

Nhật ký, thư, thơ anh viết trong điều kiện của một người lính vừa phải huấn luyện vừa phải hành quân dã ngoại, vừa phải lao động: đào hầm, dẫn cây, lấy củi... Khi làm người lính thông tin phải học kỹ thuật, học tin, học truyền tin, rải nổi đường dây giữa cơ quan chỉ huy và các đơn vị chiến đấu. Điều kiện viết không có, nhiều khi phải viết dưới sao trời, trong những đêm nóng nôi, mưa gió, rét mướt, dưới ngọn đèn dầu xam khói, trong hầm âm... phải tranh thủ thời gian nghỉ ngơi mà viết. Nó chứng tỏ một năng lực, một sự kiên trì của một tinh thần, nghị lực rất cao.

Ở anh còn có một bản lĩnh vững vàng, phẩm chất cần thiết của một người lính cầm súng. Anh thực sự giác ngộ lý tưởng. Anh nói: “Từ rất lâu rồi, tôi đã tìm ra đâu là chỗ đi và chỗ đứng của mình”. Đó là con đường “phục vụ nhân dân hãy bắt đầu từ người lính”. Cuộc sống của người thanh niên cách mạng: “Muốn sống trong nỗi lo toan của dân tộc, phải gánh lấy trách nhiệm cứu nước” và “Gánh nặng cuộc đời đã đè ghì trên vai”. Chính vì lẽ sống đó, anh thấy nghĩa vụ cứu nước là rất thiêng liêng không thể thiếu mình, là một công dân “Ta biết giấu mặt vào đâu, vào gấu quần hay gấu áo, khi Trường Sơn không có dấu chân ta. Khi cuộc đời ta chưa có cái vui mãnh liệt của người chiến thắng cầm cờ Tổ quốc trên đất nước thân yêu”. Cho nên anh luôn suy nghĩ: “Mình muốn làm theo yêu cầu của Tổ quốc và sẽ trọn đời cống hiến cho đất nước”.

Cho nên cuộc sống tiêu cực bên ngoài không tác động làm ảnh hưởng đến tư tưởng tốt đẹp của anh. “Lúc đó không ít thanh niên sớm chán nản cuộc sống này”. Thực tế vẫn còn “Một số sinh viên không muốn nhập ngũ là sợ chết ham địa vị, mà tìm cách trốn tránh để được yên thân, vinh thân”. Trong quân ngũ anh đã giữ nghiêm kỷ luật không thể là kẻ “tú”; “bỏ ngũ”; “đảo ngũ” anh gọi những kẻ làm không đúng là những kẻ “hèn hạ” và “xấu xa” gọi những kẻ

trốn tránh đào ngũ là “hèn nhát”. Anh ghét sự bất công, “muốn đập tan tành những mưu đồ đen tối”. Anh không muốn sống cuộc đời của những kẻ hưởng thụ: “thoảng qua như những đám mây u ám, không hương vị, như đám mây toi tả không tâm hồn, như giấc mơ đen...”. Anh muốn ngày mai “chỉ còn lại những tâm hồn trong như ngọc”. Anh cũng thấy những mặt yếu hèn của bản thân cần phải khắc phục “Sao bây giờ ghét đời sinh viên đến thế. Thông thạo và ọp ẹp, phải sống khoẻ mạnh dữ dội trong lửa đạn”. Noi gương phấn đấu trở thành những con người gang thép như Pa Ven, Métretxep, các nhân vật văn học mà anh yêu thích; học tập từ những tấm gương sáng như Lê Mã Lương, Nguyễn Chơn, liệt sĩ Vương Đình Cung, của các cán bộ trung đội, đại đội như anh Tạng, anh Châu để đứng vững trong quân ngũ.

Trong rèn luyện, trong thực tế đời lính gian khổ anh luôn vượt lên hoàn cảnh, vượt lên bản thân, anh đã xác định rõ: “Chủ yếu là nghị lực, căn bản là nghị lực”. Anh cũng cảm thấy vững vàng: “Không có sức mạnh nào ngăn cản được trái tim đầy khát vọng”. Từ đó thấy mình lớn lên mạnh mẽ: “Thấy trời dấy trong lòng một sức sống bất diệt, trẻ trung. Tin tưởng ở tương lai tươi sáng”. Điều đó càng chứng tỏ trong anh có một bản lĩnh, một nghị lực rất vững vàng để bước vào cuộc chiến đấu ác liệt.

Đọc nhật ký của Nguyễn Văn Thạc, chúng ta còn thấy ở anh những tình yêu cao đẹp. Đó là lòng yêu nước, yêu nhân dân, yêu gia đình, tình yêu lứa đôi trong sáng thủy chung, tình yêu cuộc sống và văn học.

Lòng yêu nước, lòng yêu nhân dân được biểu hiện rất sâu sắc. Trên những con đường hành quân anh đã hiểu sâu sắc về đất nước, nhìn những hố bom thù khoét sâu trong lòng đất mẹ. Anh viết “Mẹ ơi, con đã hiểu chiều sâu của đất. Cuộc sống thanh bình chỉ có giá trị cho ta chiều rộng, chiều dài của mảnh sân con thường đùa nghịch, của mảnh vườn thàng mười mía đang ngọt dần lên ngọn, của ngôi nhà ấm cúng con ngồi viết bài thơ ca ngợi đất. Chưa hiểu rằng đất có chiều sâu mà hôm nay vết bom thù đã khơi dậy cho con”.

Lòng yêu Tổ quốc và nhân dân còn biểu hiện ở lòng thương nhớ đến tận cùng: “Ồ cuối trời Tổ quốc, bao nhiêu người con ưu tú của

dân tộc đang đổ máu, đang gãy giập từng khúc xương, đang bị quân thù đầy đoạ và các đồng chí của ta anh giải phóng quân kiên cường đang nín thở đợi giờ xung trận, đồng đội đang đói rét và đau nhói vết thương, trên một cánh rừng già”.

Tổ quốc gọi, anh đã lên đường. Anh rất tự hào đứng trong đội ngũ: “Chúng ta có mặt trên trận tuyến ác liệt nhất, khi đất nước đánh thù”. Và anh nghĩ tới ngày mai con người có độc lập, tự do, có hạnh phúc: “Hôm nay có bao người cầm súng, có bao người gửi gắm vào thiên nhiên xanh tươi và cánh rừng gai góc âm u, tất cả tuổi thanh xuân của mình”. Anh cũng nhắc nhở cuộc đời mai sau: “Chớ quên rằng, để đêm trăng có ngôi sao tình tự, để con người tự do mơ ước tới những đỉnh cao xa, có những trái tim đầy khát vọng phải xếp vào ba lô mọi ước mơ dịu hiền nhất, mọi tương lai cá nhân quen thuộc nhất. Mà đánh giặc”.

Tình yêu Tổ quốc và nhân dân đã thúc giục anh: “Phải tự nâng cao trình độ để cống hiến được nhiều hơn, đẹp đẽ hơn”. Trong cuộc sống người lính được đi nhiều nơi, được sống trong các gia đình, anh được chứng kiến cuộc sống nghèo nàn, cơ cực của nhân dân, thông cảm và ngậm ngùi ghi lại: “Cuộc sống đất nước còn lam lũ lắm. Đầu tắt mặt tối mà nào có đủ ăn. Rồi mất cắp rồi đánh chửi nhau. Rồi thiên tai địch họa. Cơm độn ngô rồi độn sắn...”. Anh thương yêu các mẹ, các chị, các em, nhìn bà mẹ liệt sĩ anh ghen ngào xúc động: “Thương mẹ lắm mà không biết nói gì. Thù giặc Mỹ quá, phải giết sạch nó đi...”.

Lòng yêu Tổ quốc và nhân dân thời chiến tranh ở mọi người lính là phải nhận rõ kẻ thù của dân tộc, của Tổ quốc. Đó là giặc Mỹ xâm lược: “Kìa đúng thằng Mỹ là kẻ thù và ghìem súng vào nó. Đùng bắn vào quả tim người. Chúng nó chẳng có tin đâu”. Là một chiến binh phải chiến đấu dũng cảm để “Thọc lê vào trái tim đen dúi của quân thù.” Thề chiến đấu kiên cường: “Hãy đứng vững trong chiến hào cuộc đời mà bắn”. Anh tin tưởng vào ngày mai chiến thắng. Là người con của Hà Nội sẽ trở về xây dựng lại Thủ đô giàu đẹp: “Sông Tô ơi mai ta trở về, ta khơi lại dòng sông, cho tuổi thơ vẫy vùng, cho con thuyền chở em đi, đi vòng quanh thành phố”.

Anh sớm nhận thức mình là thanh niên phải có ý thức làm chủ nhân đất nước, Thạc khẳng định: “Chính mình là trụ cột của đất nước”. Từ đó anh “Sung sướng và tự hào về nhiệm vụ vẻ vang” của mình là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Sau đó là nhiệm vụ xây dựng đất nước: “Đi nhanh, đi nhanh, đi nhanh chóng về nhà quê hương đang chờ ta xây dựng”.

Anh xác định việc ra đi hôm nay, “đâu chỉ là trách nhiệm cá nhân cho trọn vẹn mà mình còn phải làm cả phần gia đình, phần ông bà, bố mẹ”. Thạc luôn tự hào về người mẹ thân yêu của mình: “Mẹ mình dũng cảm lắm, biết hy sinh lắm”. Ông mẹ hiền nuôi dạy con khôn lớn: “Mẹ ta nghèo rau cháo nuôi ta. Để bây giờ ta lớn cho kịp tầm cao của lịch sử”. Anh hiểu bố mẹ mình là những người lao động. Lân về phép thăm gia đình anh rất thương bố mẹ mình gây yếu, còn bị nhiều nỗi khổ giày vò: “không được sung sướng và nhàn hạ như bố mẹ người ta”. Nằm trên giường nhà: “suốt đêm không ngủ, không muốn ngủ chút nào. Nằm nhìn lên đỉnh màn, tự dung thấy mình lớn lên nhiều. Tưởng chừng có thể che chở cho gia đình”.

Anh có một tình yêu đậm thắm với Phạm Như Anh đang học tại Liên Xô. Tình yêu ấy rất cao đẹp, bởi từ Thạc, anh muốn giữ gìn tình yêu trong sáng: “Yêu Như Anh còn là tình yêu đầu tiên trong sáng nhất và cái tình yêu cao nhất của cuộc đời mình”. Trong cuộc đời chiến sĩ, tình cảm của Thạc dành nhiều cho Như Anh: “Mình luôn nghĩ đến Như Anh như một người bạn chân thành và tin cậy nhất” và anh luôn tin rằng: “những cái gì cao đẹp nhất mà mình dành cho Như Anh là tất cả cái trong sáng và lành mạnh nhất trong cuộc sống của mình”. Anh muốn được gần Như Anh: “muốn chiều Như Anh thật nhiều, bởi thương nhớ lắm, nhưng anh muốn Như Anh vượt qua cái khủng khiếp của thời gian và xa cách”. Đất nước vừa đánh giặc vừa “chuẩn bị cho tương lai”, anh muốn Như Anh học tập tốt để sau này còn dựng xây đất nước: “Thực sự muốn cho bạn sống và làm việc được nhiều” anh nói gửi lời động viên người yêu: “Dũng cảm lên Như Anh nhé, dũng cảm lên, mạnh dạn và vững lòng tin”. Thạc cũng biết cuộc chiến đấu này rất ác liệt, sự hy sinh của cá nhân là sự dĩ nhiên. Anh cũng linh cảm thấy điều bất hạnh của đời mình sẽ xảy ra: “Như Anh

biết không, chúng mình phải vĩnh biệt nhau đây, chúng mình không được sống gần nhau đâu. Như Anh có cảm thấy buồn, khi vĩnh viễn xa Thạc không? Thạc biết lắm, biết nhớ lắm những gì ràng buộc mình và những gì ngăn cản chúng mình” và anh vỗ về an ủi người yêu: “Cứ sống và vui vẻ với cuộc đời êm đẹp rồi hạnh phúc ngọt ngào sẽ đến với Như Anh”.

Như vậy, tình yêu của Thạc dành cho Như Anh là rất cao cả và đẹp đẽ. Cao cả là Thạc biết vượt qua những rào cản, vượt qua thử thách, vượt lên cuộc sống, biết hy sinh, nó còn rất đẹp bởi vì tình cảm của Thạc rất trong sáng, thủy chung, đậm thắm của tình yêu lứa đôi tuổi mười chín, hai mươi.

Điều đáng trân trọng nữa, chúng ta còn thấy ở Nguyễn Văn Thạc người chiến sĩ có một tình yêu cuộc sống rất thiết tha. Cuộc sống người lính giàu khát vọng, trách nhiệm và danh dự. Anh rất muốn được cống hiến. Thích đi lính bộ binh được gần dân, được đi nhiều nơi, được trực tiếp giết giặc, nóng lòng được đi chiến trường: “Nhanh nhanh mà đi B⁽⁵⁾, chứ không hết giặc đến nơi rồi”. Đi vào cuộc sống thực anh đã thấy: “Thực tế cuộc sống đẹp vô cùng”. Khoác áo lính đi trong quân ngũ anh cảm thấy mình hạnh phúc: “Còn ai hạnh phúc hơn ta nữa. Trang sách cuộc đời đã mở cho ta những trang mới ghé mắt nhìn đã thấy ngầy ngất cả người”.

Là một chiến sĩ, Thạc rất yêu quân ngũ. Từ cuộc sống thường ngày của cán bộ chiến sĩ, anh thấy: “Quân đội đúng là một đại gia đình và đi đâu cũng là người nhà cả thôi”. Có thể trong cuộc sống thường ngày vẫn còn có lối sống “chưa thực lòng”, còn tị nạnh, ghen ghét, nhưng khi vào mặt trận thì thương yêu nhau, nhường nhịn, giúp đỡ lẫn nhau, dành cho nhau tất cả: “Chỉ có trong hàng ngũ quân đội mới có điều tốt đẹp ấy”. Nhưng có lúc Thạc cũng rơi vào tâm trạng buồn chán đến cực độ. Nhưng đó chỉ là nỗi buồn chán riêng trong một ngày không vui. Buồn chán giữa thực tại gồ ghề, độc điệu, cô đơn với ước mơ, khát vọng, ý tưởng lớn lao mà con người chưa làm chủ được. Nhưng Thạc đã tỉnh táo, vượt lên, sống hoà đồng và mạnh mẽ hơn. Trong cuộc sống gian lao nhưng rất có

ý nghĩa, rất tốt đẹp, anh đã không quên: “Cảm ơn tất cả những mái trường đã ôm ấp lấy ta. Cảm ơn ngọn đèn dầu theo ta suốt những năm đánh Mỹ. Cảm ơn cuộc đời.”

Từ cuộc sống tốt đẹp, từ tình yêu văn học, anh thấy cần phải cầm bút: “Mình sẽ làm thơ và viết văn”. Trong bộn bề khó khăn anh tự động viên mình: “Cứ kiên trì và bình tĩnh mình sẽ làm được hết”. Công việc trước mắt vừa tham gia chiến đấu vừa phải đi “thu thập tài liệu vốn sống và sẽ viết văn, sẽ làm thơ ca ngợi những con người đã hy sinh, những gì quý giá nhất của mình cho giai cấp cho dân tộc.”

Trong sự nghiệp lớn của đời mình, anh nhận thấy trách nhiệm lớn lao của người cầm bút. Khi cây bút đã nằm gọn trong tay mình thì hãy nhận lấy trách nhiệm, làm việc với lương tâm và danh dự: “Viết bằng sự say mê của bản thân và viết bằng sự thôi thúc của những sự kiện nóng hổi của đất nước và dân tộc tặng cho ta”. Vì thế trong khi phải thực hiện những nhiệm vụ thường ngày của người lính, anh tự nhủ: “Đừng bỏ phí thời gian, hãy tập trung sức lực làm việc cho say sưa và có ích nhất” và anh đã tích cực viết. Tuy rằng Thạc chưa viết được gì lớn lao nhưng với tài năng, năng lực và hành động rất tích cực như thế, anh mà còn sống, anh sẽ có những đóng góp rất xứng đáng cho nền văn học kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Nguyễn Văn Thạc đã hy sinh anh dũng trên chiến trường Quảng Trị. Bây giờ mọi người mới được biết về anh qua những trang nhật ký qua những lá thư được chính người yêu Phạm Như Anh trân trọng giữ gìn để cho hôm nay. Cuộc sống hiện tại đã không trả lời: “Bằng những luồng gió lạnh ngắt” mà đã biết ơn anh, biết cảm ơn anh: “Đã cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn chính trực và cao cả”. Tuổi hai mươi của anh sẽ sống mãi với tài năng, bản lĩnh, nghị lực và tình yêu cao đẹp. Cũng như trước đây anh đã suy nghĩ rất đúng, khi đứng trước người liệt sĩ “tiền nhân” kiếp trước của mình: “không có sự mất đi vĩnh viễn trong cuộc sống những người hết lòng vì dân tộc, vì giai cấp, vì Tổ quốc thân yêu”.

(5) Đi B: Đi chiến trường miền Nam.

VŨ HẠNH VÀ SỰ HƯNG VONG CỦA VĂN NGHỆ MIỀN NAM 1954 - 1975

THS. NGUYỄN XUÂN HUY - Khoa KHXH & NV

TRONG số những nhà văn tiên bộ chiến đấu công khai trong lòng địch ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975, Vũ Hạnh là một trong những cây bút đi đầu và bản lĩnh, đã theo suốt “hành trình tàn tạ” của văn nghệ miền Nam. Không chỉ nổi tiếng ở trong sáng tác (với các tập *Bút máu*, *Chất ngọc*, *Vượt thác*, *Lửa rừng*...), Vũ Hạnh còn là một ngòi bút phê bình độc đáo (với hai bút danh *Cô Phương Thảo* và *Nguyên Phủ*), đã không ngừng chiến đấu để bảo tồn văn hoá dân tộc, ngợi ca vẻ đẹp của tiếng nói và chống lại sự suy đồi, vong bản trong văn nghệ. Trong suốt mấy mươi năm (từ 1958 đến 1972), các bài phê bình của ông đã bao quát được một hoạt động sáng tác và nghiên cứu rộng lớn (khoảng trên 60 bài).

Vũ Hạnh với những nhận định về truyện.

Vũ Hạnh nhận thấy các sáng tác trong giai đoạn này đã thể hiện một cách rõ ràng nhất khuôn mặt “nhợt nhạt, bơ phờ” của nền văn nghệ miền Nam suy kiệt sinh lực. Sự héo hắt ấy là hậu quả của quan điểm “chính trị chỉ huy văn nghệ”. Trong bài viết *Tình hình văn nghệ năm 1959*, ông buồn rầu tổng kết: “Suốt trong năm (...) không có tác phẩm nào phản ánh được thời đại, đánh dấu được xã hội chúng ta trong mấy năm nay về một khía cạnh rộng lớn nào”. Những sáng tác văn chương đang dần xa lìa đời sống nhân sinh để tìm về cõi phù thế.

Tiểu thuyết là một loại hình phát triển nhất trong các thể loại văn học. Nhưng sự đa dạng của nó chỉ là sự đa dạng giả tạo. Vũ Hạnh nhận thấy trong tiểu thuyết miền Nam có sự đóng băng về tư tưởng. Các nhà văn chỉ biết lục lọi dĩ vãng và xem đó là sự phong phú, mới lạ của tác phẩm mình. Chính nội dung ấy khiến thể loại này không có được tiếng nói thực sự lớn lao, không thu hút được nhiều độc giả.

Nhìn vào các sáng tác hàng năm, Vũ Hạnh nhận thấy tuy có sự biến động về số lượng, nhưng nội dung thì không hề thay đổi. Trong nhiều bài viết, nhà phê bình thấy có một số tác giả đã cố gắng ghi lại dấu ấn của mình như Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Thị Hoàng, Linh Bảo, Mộng Tuyết, Thu Vân, Nhật Tiến, Võ Phiến, Phan Văn Tạo, Mạc Thu, Phạm Phạm, Nguyễn Thị Thụy Vũ... nhưng hầu hết những gì họ mang đến chỉ là “sự phiêu lưu trong cái thế giới chấp chờn nửa mộng, nửa thực” và “quá thiên về sự đẽo gọt hình thức, không cần cốt truyện, dễ đưa đến sự suy tưởng vô vắn, hư không...”. Một số cây bút có “lướt” trên thực tại nhưng chỉ là những thực tại đã đi vào quá vãng hoặc những vấn đề hết sức mơ hồ, vô định.

Vũ Hạnh còn thấy những tác phẩm của các nhà văn sau năm 1967 hầu hết đều nhìn cuộc đời bằng cái nhìn “quá ư dễ dãi, vấn đề nêu lên chỉ là những trực cảm nông cạn”, đặc biệt, “nỗi buồn và sự bi quan” trong văn chương đã không còn lạng lẽ, âm thầm như trước nữa, mà đã xuất hiện nỗi “hốt hoảng” và “sợ hãi” thực sự. Có những nhà văn “hoài nghi tất cả, kể cả chính bản thân mình”⁽¹⁾. Tệ hại hơn, những tác phẩm của số đông các nhà văn lại đi vào khai thác cái bản năng hạ cấp của con người, chuyển nghệ thuật xuống “phân dưới của cơ thể”. Chúng biến nghệ thuật thành những “phòng sấm” mênh mông, biến văn chương thành nơi tôn thờ xác thịt, “nơi phơi bày những gì sa đoạ của những con người không còn lương tri, sống trong nhịp điệu tan nát của những tín điều đổ vỡ”⁽²⁾. Không song hành cùng chính trị, nhưng những gì nhục nhơ mà nền văn nghệ miền Nam đã sản sinh ra, nên “chết” đi cùng với nền Cộng hoà.

Trong các sáng tác được coi là tiên bộ của miền Nam, Vũ Hạnh đặc biệt lưu ý đến bộ ba

tác phẩm của Đỗ Thúc Vịnh là *Dì Mơ* (1959), *Mùa áo ảnh* (1963) và *Những người đang tới* (1964). Ba tác phẩm xuất hiện trong những bối cảnh khác nhau, nhưng nhìn chung phần nào đã phản ánh được tâm trạng của một lớp người có lòng nhiệt tình nhưng lại thiếu niềm tin. Chúng là một chặng đường tư tưởng của Đỗ Thúc Vịnh. Nếu *Dì Mơ*, *Mùa áo ảnh* ghi lại “những húng khởi, tin tưởng, bị đổ vỡ đau đớn”, thì “*Những người đang tới* cố tìm một lời giải thoả đáng cho tình trạng ấy”. Những trạng thái tâm lí không lối thoát, cố tìm một ý nghĩa cho hành động mình, nhưng chỉ gặp những mâu thuẫn nhỏ bé, ngẫu nhiên, xa rời cuộc đời dân tộc... và một cõi cá nhân bản chất với vài ảo ảnh chợt tan như bong bóng xà phòng hoặc cố vươn dậy với đôi tiếng súng của *Những người đang tới*... nhưng không đủ xoá đi những bi kịch từ chính nơi lòng họ.

Còn với Sơn Nam, Vũ Hạnh chú ý đến *Chim quỳên xuống đất* và *Hình bóng cũ* ra đời vào những năm 1963 – 1964. Đây là hai tác phẩm đã bổ sung một cách đáng kể cho tư tưởng nghệ thuật của Sơn Nam. Hai tác phẩm là hai khung giá trị khác nhau. Hiểu tác giả và tác phẩm, hiểu thời đại và nhân vật của Sơn Nam, nhà nghiên cứu thấy ở *Chim quỳên xuống đất* có một sự “đuối sức” rất rõ ràng. Khi đi tìm mối liên hệ giữa cá nhân và cuộc đời trong tác phẩm, Vũ Hạnh chợt nhận ra “mỗi nhân vật Sơn Nam đi qua còn để lại một niềm hoang vắng mênh mông”, một sự cô độc, lạc lõng vô hạn giữa cuộc đời. *Chim quỳên xuống đất* vì thế vẫn có một giá trị nhất định về mặt “phản chiếu xã hội miền Nam trong một sinh hoạt nào đó”. Còn *Hình bóng cũ* lại hướng tới những mâu thuẫn trong nông thôn Việt Nam một thời. Tác phẩm đã lột trần được khuôn mặt bóc lột tàn nhẫn và khôn khéo ở nông thôn Việt Nam những năm đầu của thế kỉ. Nhà văn đã thực hiện điều đó bằng “một nghệ thuật đơn giản và... lối kể chuyện linh hoạt, tự nhiên”, cùng với “tinh thần hài hước nhẹ nhàng...” đã mang lại cho tác phẩm nhiều ý nghĩa.

Ngoài ra, Vũ Hạnh còn chú ý đến *Men chiều* của Nguyễn Thị Vinh (1960), *Kí thác* của Bình Nguyên Lộc (1960), *Những người áo trắng* của Nhật Tiến (1960), *Cái bong bóng lợn* của Phan Văn Tạo (1961)... Ở bài phê bình nào

Vũ Hạnh cũng để lại được dấu ấn của mình trên từng trang viết.

Vũ Hạnh với những nhận định về kịch

Ngành kịch miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 cũng không có một dấu hiệu gì khả quan. Theo tổng kết của ông, năm 1959 “tuy con số ghi đến 186 vở, nhưng hầu hết là ca kịch dài ngắn trên các sân khấu cải lương”. Còn thoại kịch thì “không có một vở nào xuất hiện trong năm nay”. Năm 1962 nổi lên mấy vở *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan và *Người viễn khách thứ mười* của Nghiêm Xuân Hồng với ý nghĩa xã hội khá rõ rệt, thế nhưng lại phải ẩn nấp trong một khung cảnh xa xưa với ít nhiều giả tưởng. Hai vở kịch này là hai tác phẩm lớn nhất và có lẽ nhờ chúng mà người ta còn nghĩ về ngành kịch miền Nam như một thể loại văn học.

Vũ Hạnh ghi nhận, *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan là vở kịch đã ghi lại được một số biến động xã hội và những chuyển biến tâm tư của một lớp người sinh ra gặp thời loạn lạc. Tác phẩm là dấu hiệu của một cuộc suy tàn tập thể không thể nào tránh khỏi của một thế hệ người quen sống trong cõi sống cá nhân u tối của chính mình. Còn *Người viễn khách thứ mười* chủ yếu tìm đến những bi kịch trong tình yêu nhưng Vũ Hạnh còn thấy trong đó hình bóng của con người cá nhân dường như ôm trùm lên tất cả, họ miên man ném trái nỗi niềm cô độc của chính mình và cho đó là cái cốt cách cao quý của kẻ “phong trần”...

Hai tác phẩm đã ghi nhận được những tâm tư u tối, bạc nhược của cá nhân trước bao nhiêu biến động của cuộc đời. Đó là một cuộc hành trình tư tưởng không có lối thoát, không một hi vọng, một niềm tin vào tương lai.

Sau cuộc chính biến 1/11/1963 (đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm), ngành kịch lại trở về với sân khấu cũ của nó để song hành cùng với tiểu thuyết và thi ca. Suốt những năm 1964-1967, hầu như không có một vở nào mới mẻ, ở trên sân khấu cũng như trên báo chí. Vũ Hạnh nhận xét: “Những kịch gia của chúng ta không còn gì đáng quan tâm hơn là cơm áo cùng những nhu cầu thiết thực”. Ca kịch tuột dốc, cải lương suy thoái, giới nghệ sĩ rơi vào tình trạng “rách

bướm” thậm hại. Thoại kịch cũng thế. Nhìn vào nội dung các vở kịch những năm 67 - 72, Vũ Hạnh thấy: “Đề tài hầu hết là giả tạo hoặc cứ quanh quẩn trong các chuyện tình lắm cảm, những sự báo thù cá nhân vun vút, những truyện mất con, tìm mẹ và các kiểu lối hối hận dễ dãi của bọn du đãng”. Có đôi vở kịch cố gắng dùng những “điển cũ, tích xưa” để lồng vào đó các vấn đề của hiện tại khiến cho sự giả tạo lại tăng lên mấy lần. Vũ Hạnh chua chát nhận xét: “Người ta nghe các nhân vật lịch sử nói đến lập trường, quan điểm quân chúng, thấy các nhân vật đời Lê tổ chức các đảng bí mật, nghe các nhân vật đời Trần nói đến tinh thần quốc tế...”⁽¹⁾. Mặc cho hi vọng, mặc cho những lời kêu gọi của nhà phê bình, kịch miền Nam vẫn đi xuống hàng ngày. Cho đến khi Mỹ mất hoàn toàn niềm tin vào cuộc chiến ở miền Nam thì ngành kịch chỉ còn lại là cái bóng của thực tại mà thôi.

Vũ Hạnh với những nhận định về thơ.

Qua các bài tổng kết hàng năm, Vũ Hạnh đã cho thấy ít nhiều diện mạo tâm hồn của người miền Nam bằng việc tìm hiểu thơ ca. Giống như tiểu thuyết, thi ca cũng chứng tỏ sự bất lực của nó trên cả hai phương diện: Tinh cảm và tư tưởng xã hội. Có những năm như 1959, “không có thi phẩm nào có sự cố gắng đáng ta lưu ý”. Trong nhiều năm sau, thi ca không gọi lên được một suy tư thể sự nghiêm túc nào mà chỉ là những “tâm sự lạc loài, cô đơn nhạt nhẽo...” (đó là những tác phẩm như *Mây*, *Nhạc để*, *Mưa gió sông Tương*, *Đau thương*, *Lang thang...*). Nhiều tác phẩm chỉ biết bản khoả trong những “ngõ tối tâm hồn”, tìm về những rung động xưa cũ mà không hề nghĩ rằng, thời đại đã đi trước mình hơn nửa cuộc đời. Sở dĩ như vậy vì các thi sĩ của chúng ta không nhìn thấy nguồn cảm hứng từ thực tại. Và cõi sống cá nhân, dù đã bạc nhược lắm rồi, đã trở thành một “lối trốn nhiệm màu”. Sau 1963, thơ ca vẫn “ru” một điệu buồn năm xưa. Không còn hi vọng gì ở tương lai và ngán ngẩm trước thực tại, họ quay về với quá khứ ủ dột để than khóc cho một dĩ vãng êm đềm, đẹp đẽ đã đi qua... và cố gắng chứng minh với độc giả rằng mình vẫn còn tồn tại trên cõi đời này, cho dù sự tồn tại ấy chẳng khác nào những bóng ma trong đêm dài.

Trong khung cảnh u tối ấy, Vũ Hạnh chú ý đến tập *Từ Thức* của thi sĩ Đoàn Thêm (1959), *Người yêu tôi khóc* của Thế Viên (1959) và *Trăng treo đầu súng* của Tường Linh (1959). Nhưng nhìn chung, theo Vũ Hạnh, những tác giả này mặc dù đã thể hiện được đôi nét tinh tế của mình trong việc cảm nhận đời sống, nhưng chùng đó là không đủ để các tác giả đem đến cho độc giả một niềm tin tưởng về nền thơ ca đương thời.

Vũ Hạnh với các công trình nghiên cứu - tuyển chọn...

Đây là những bài phê bình có ý nghĩa quan trọng vì nó thể hiện trực tiếp thái độ, tư tưởng của nhà nghiên cứu trong hoạt động chống lại sự suy đồi trong văn nghệ. Từ các bài viết này, ta có thể thấy được một cách khá rõ nét con người Vũ Hạnh.

Phê bình cuốn *Thi nhân Việt Nam hiện đại* của Phạm Thanh - NXB Khai Trí - 1959.

Đây là một tập thi tuyển “to dày” và công phu của ông Phạm Thanh. Vũ Hạnh xem “tập thi tuyển của ông Phạm Thanh như là dấu hiệu của một sự loạn lạc trong văn nghệ”. Từ đó, ông coi nhiệm vụ “tiêu trừ thi phẩm này là một nhiệm vụ vô cùng cần kíp như sự tiêu trừ phiến loạn”⁽¹⁾.

Ở bài này, Vũ Hạnh hướng tới mục đích phê bình tư tưởng của kẻ biên soạn cuốn sách đã mất hết “thể diện”, đổi trắng thay đen, “chước lục tô hồng” để đề cao các “thi sĩ” của chúng ta thì ít mà vì mục đích kinh tế thì nhiều. Khi tuyển chọn, ông Phạm Thanh đã vô tình hay cố ý “dọn” cho những kẻ không đáng được gọi là thi sĩ “một chỗ ngồi êm đẹp”. Chính họ đã cùng với ông Phạm Thanh gây ra một sự “mô phỏng nhầy nhụa”. Nhà phê bình thấy tác giả của nó đã không ngại ngần xin xỏ, không ngại bóc lấy những ảnh ông chọt bắt gập, hoặc mượn lại những tấm ảnh ngày xưa và “vẽ lại lam nham góm ghiếc”. Đó không đơn thuần là những khuôn mặt của thi ca, mà còn là khuôn diện bạc nhược của nghệ thuật. Từ đó, Vũ Hạnh cho rằng “trước sau ông (Phạm Thanh) chỉ là một kẻ đi buôn, đầu cơ... sự bất tài hiệu danh của một số người”. Nhìn vào sự tuyển chọn, Vũ Hạnh còn phơi bày những tâm tư héo úa, hoặc

là mòn mỏi, hoặc là nhớ thương rẻ tiền, nhưng rõ nhất là “những vần thơ trơ trẽn”. Đó là những kẻ mất hết tình tự dân tộc, trốn chạy cuộc sống lớn lao, “giấy giũa trong sa đoạ, vũng vầy trong ngang tàng”, để “rên xiết, thở than, tán tỉnh nhiều lời”. Vũ Hạnh gặp ở đây “một sự tâm thường, nhạt nhẽo đến kinh khủng, cổ khoác lên một màu trí thức cao đạo, một vẻ thi nhân khác đời”. Ở họ không có một sự sống nào cho trọn vẹn, độc lập. Họ làm thơ cốt để trang điểm cho tinh thần, nhưng sự trang điểm ấy không lấy tình tự dân tộc làm giải pháp mà lại tìm về những bản năng thấp hèn. Và nói gì thì nói, kẻ tăng bậc họ lên chính là kẻ “chủ sự” cho những dịch họa khôn lường sắp tới.

Vũ Hạnh còn xem việc ông đưa bài diễn thuyết về vấn đề *Thi sĩ và thi phẩm* của ông Vũ Đức Trinh ra làm căn hậu, làm tám bình phong... để biện hộ cho tư tưởng của mình, là một hành động giả trá. Bởi vì, bài diễn thuyết của ông Trinh chỉ là một “cái mộc” được làm từ một thứ “gỗ tạp”. Nó “chứa đựng khá nhiều thiếu sót và sai lầm”. Như thế, trong khi phê phán Phạm Thanh, Vũ Hạnh đồng thời “tiền đưa” những loại thi sĩ suy đồi... xuống mồ và phá tan hệ thống lý luận bao che cho nghệ thuật vong bản, sa đoạ là bài diễn thuyết của ông Vũ Đức Trinh. Có thể coi bài điểm sách này là một điểm sáng trong sự nghiệp phê bình của Vũ Hạnh.

Phê bình bài thuyết trình *Viễn tượng văn nghệ miền Nam* của Trần Thanh Hiệp (1960).

Ngày 12/8/1960, luật sư Trần Thanh Hiệp nói về *Viễn tượng văn nghệ miền Nam*, tại Câu lạc bộ văn hóa. Sau đó ít hôm, ông Vũ Hạnh đã có bài nhận định về quan điểm của ông Hiệp trên BKTĐ (01/9/1960). Bài phê bình tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất: Một thuyết trình viên thiếu tinh thần trách nhiệm. Vũ Hạnh cho rằng, diễn giả Trần Thanh Hiệp đã không chỉ thiếu tinh thần xây dựng mà còn “quên hẳn vai trò chủ động” của một diễn giả. Thêm vào đó, cái viễn tượng mà ông vẽ ra chỉ như một thứ lý thuyết mong manh, hư ảo, không có thực tế, cho nên quan niệm đưa ra không làm sao vững vàng được...

Thứ hai: Những lập luận thiếu sót và sai lầm. Vũ Hạnh phê phán lập luận “vấn đề văn nghệ

và thời đại của nước ta không có gì là trầm trọng” của ông Trần Thanh Hiệp. Nhà nghiên cứu thấy diễn giả thật mơ hồ trong nhận định. Ông chỉ có mơ lý thuyết thuần túy mà không hề thấy được đời sống văn nghệ.

Với nhận thức đó, Vũ Hạnh phủ nhận hoàn toàn quan điểm “văn nghệ miền Nam không có quá khứ” của Trần Thanh Hiệp. Theo Vũ Hạnh, đây là một nhận thức không thể chấp nhận được. Ông Hiệp đã “tách rời miền Nam khỏi cái truyền thống tinh thần dân tộc... cô lập miền Nam thành một thế giới riêng biệt không có lịch sử”. Lập luận ấy thật xa lạ với chúng ta biết chừng nào. Cổ vũ cho điều đó, người bạn của ông Trần Thanh Hiệp là ông Mai Thảo - Chủ nhóm Sáng Tạo, kêu gọi một nền văn học “choá lòà cái mới, tuyệt đúng, tuyệt đẹp”, và chủ trương, “đoạn tuyệt với nền văn học với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ...” cả ông Hiệp và những bạn bè của ông đã đánh mất lịch sử, đánh mất sự phong phú của chính mình, nói cách khác là tự phủ nhận chính mình.

Tiếp tục luận điệu đó, Trần Thanh Hiệp còn chủ trương “người làm văn nghệ phải làm lịch sử bằng tác phẩm”. Nhưng, điều đáng buồn là quan điểm ấy lại bắt rễ từ một chủ nghĩa cá nhân u tối, chật hẹp thì không biết ông Hiệp “làm lịch sử” thế nào, bằng cách nào? Chỉ ra điều đó, Vũ Hạnh đã có dịp tưởng tượng cái lịch sử tương lai mà ông Hiệp tạo ra toàn là lịch sử của những cá nhân điên loạn, những cá nhân mất hết niềm tin vào cuộc sống để sa vào những phiêu lưu vong mạng hoặc thả tâm hồn theo bản năng xác thịt. Vũ Hạnh khẳng định, tiếng nói của lịch sử phải là tiếng nói thuộc về số đông, trung thực và bản lĩnh chứ không phải của những kẻ ngồi ở phòng trà mà “phiếm luận” rồi “mộng du” như kiểu của Trần Thanh Hiệp.

Phê bình cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết* của Nhất Linh - NXB Trí Đăng - 1962.

Viết và đọc tiểu thuyết là chút kinh nghiệm làm văn mà ông gửi lại cho đời. Nhưng bản thân cuốn biên khảo không cứu vãn được sự lụi tàn trong con người tác giả. Bởi chính nó không mang được giá trị “chỉ đường” thật sự.

Vũ Hạnh chỉ rõ, sai lầm lớn nhất của ông Nhất Linh trong cuốn sách này là quan niệm về

tiểu thuyết. Nhất Linh đưa ra một định nghĩa mà tính chất mơ hồ trong nhận thức luận còn đi xa hơn khi ông nhận thức về đối tượng sáng tác: “Một cuốn sách hay phải có giá trị trong không gian và thời gian”. Ông Nhất Linh không hiểu rằng lấy không gian và thời gian làm giá trị là ông đã cho tác phẩm một giới hạn lịch sử. Nó chỉ có giá trị đối với người “ham chơi đồ cổ” mà thôi.

Có lẽ, Nhất Linh đã nhận ra cái cảm tính trong nhận định của mình, nên ông đã hướng tới một khái niệm khác, tỉ mỉ hơn, công phu hơn về “tiểu thuyết hay”. Nhưng Nhất Linh đã chủ yếu chú ý đến sự thực của cá nhân, của con người cá thể nhỏ bé, đơn côi chứ không có một ý niệm nào về con người xã hội, con người của cuộc sống lớn lao và vì xuất phát trên một quan niệm trừu tượng, cho nên nó “vẫn mang nhiều khuyết điểm căn bản”. Nhất Linh đã tách con người cá nhân khỏi con người xã hội, tìm về tính chất cá biệt mà bỏ quên tính chất thời đại. Đây là một thiếu sót to lớn mà cả cuộc đời sáng tác của Nhất Linh không sao tìm được. Những sáng tác của ông sau này ngày càng xa rời những chuyển biến lớn lao của thời cuộc. Các nhân vật của ông dần dần chỉ là những nhân vật “mang cái hình hài của những con người tiền cách mạng, nhưng chứa tâm trạng của một tầng lớp trí thức sau ngày Hiệp định Gionève...”

Quá chú trọng tả thực, Nhất Linh đã rơi vào quan niệm hình thức chủ nghĩa và không sao thấu triệt được hết con người. Khái niệm của Nhất Linh đã gián tiếp thừa nhận quan điểm “nghệ thuật tháp ngà”, nghĩa là ngồi yên một chỗ để mà suy tưởng ruột gan thiên hạ.

Ngoài ra, Vũ Hạnh còn phê bình cuốn *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại* của Bằng Bá Lân (1962) và cuốn *Lược khảo văn học I* của Nguyễn Văn Trung (1962)... Ở bài nào ông cũng thể hiện được sự tinh tế và cẩn mẫn của mình và tạo được niềm tin trong lòng quần chúng.

Đôi nét khái quát về phong cách phê bình của Vũ Hạnh

Những công trình phê bình văn học của Vũ Hạnh chưa phải là nhiều, nhưng độc đáo. Ông đã tạo được một ấn tượng mới mẻ bằng một cái nhìn tinh tế, mạnh mẽ và khoáng đạt. Nhìn

chung, người ta có thể nhớ đến Vũ Hạnh - một nhà phê bình với những nét lớn sau đây:

Tinh thần nghiên cứu trung thực và khách quan

Trong bối cảnh kinh tế, xã hội và văn nghệ miền Nam những năm 1954 - 1975, hiếm có một nhà nghiên cứu phê bình nào dám nói về thực trạng văn học và chỉ ra nguyên nhân một cách rõ ràng, cụ thể, can đảm và nhiệt tình như thế. Các vấn đề văn học mà Vũ Hạnh đề tâm nghiên cứu rất phong phú và đa dạng, nhưng bao giờ ông cũng tôn trọng sự trung thực của các hiện tượng. Chọn cách nhìn khách quan để duy trì sự trung thực và trung thực để nâng cao tinh thần khách quan khoa học, Vũ Hạnh đã đem lại cái nhìn tương đối toàn diện về các vấn đề văn học. Ông chỉ ra nguyên nhân chủ yếu dẫn tới một nền văn nghệ như thế là bởi thực trạng xã hội xuống cấp về văn hoá và đạo đức, bệnh hoạn về tâm lý, sinh lý, đa tạp về tư tưởng...

Tinh thần nghiên cứu khách quan được phát huy cao độ ở các bài tổng kết văn học khiến cho nhiều người tìm thấy ở Vũ Hạnh một sự tin tưởng. Ta không hề ngạc nhiên giữa vòng phong toả gắt gao của mạng lưới mật vụ và chính sách của phòng kiểm duyệt Sài Gòn, Vũ Hạnh vẫn xuất hiện đều đặn trên tạp chí *Bách khoa* hàng năm.

Năng lực hệ thống hoá các vấn đề văn học một cách khoa học

Vũ Hạnh không chỉ có năng lực hệ thống lại toàn bộ các sáng tác phẩm và sinh hoạt văn nghệ trong năm mà còn khám phá tính chỉnh thể trong một tác phẩm văn học cụ thể. Từ chi tiết nhỏ đến sự kiện lớn, từ sinh hoạt ngoài văn học đến sinh hoạt trong văn chương... dường như đều được Vũ Hạnh nói đến dù chỉ trong một bài trên tạp chí mà sự đòi hỏi phải thật cô đọng và tiêu biểu. Mỗi bài viết là một chỉnh thể, một hệ thống sinh động với những quan hệ chặt chẽ. Nhà nghiên cứu luôn chú ý đến sự hợp lý giữa các yếu tố: Chi tiết và nhận định, nội dung và hình thức, bộ phận và toàn thể... Trong những lời nhận xét khái quát của ông bao hàm một dung lượng lớn các yếu tố trong hệ thống, từ nội dung đến hình thức thể loại và sinh hoạt của nó... Vì thế, những nhận định của ông có một tầm bao quát rộng lớn.

Nhưng đáng nói hơn là năng lực tổ chức một bài điểm sách. Vũ Hạnh luôn tạo cho mình một chỗ đứng giữa hệ thống bên trong với hệ thống bên ngoài tác phẩm. Nhà nghiên cứu thường quy tụ điểm nhìn vào tư tưởng nghệ thuật của tác giả và đặt tư tưởng đó trong sự biến động của các mối liên hệ bên ngoài tác phẩm. Sự gắn kết đó đã tạo cho các bài điểm sách của ông một sự sinh động khác thường. Một số bài điểm sách như: Ba tiểu thuyết *Đi Mơ*, *Mùa áo ảnh*, *Những người đang tới* của Đỗ Thúc Vịnh; kịch *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan và *Người viễn khách thứ mười* của Nghiêm Xuân Hồng... là những bài điểm sách tiêu biểu. Chúng không đơn thuần chỉ là một bài định giá tác phẩm mà là sự khám phá vào cấu trúc của hệ thống với những vận động nghệ thuật tinh vi của nó.

Ngòi bút phê bình trực diện, mạnh mẽ và kịp thời

Trong suốt sự nghiệp phê bình của mình, chưa bao giờ Vũ Hạnh có thái độ lảng tránh trách nhiệm của một ngòi bút chiến đấu bảo vệ truyền thống văn hoá và văn học. Trước trào lưu tư tưởng vong bản và cuồng loạn, Vũ Hạnh đã cất lên tiếng nói thẳng thắn, trực diện và kịp thời nhằm lên án và kêu gọi những người có lương tâm và có nhiệt tình với nghệ thuật phải bày tỏ thái độ quyết liệt của mình. Ta có thể thấy thái độ ấy trong các bài tổng kết văn nghệ, những bài phê bình quan điểm, điểm sách... đặc biệt là những bài tranh luận và diễn thuyết văn học. Vũ Hạnh thẳng thắn lên án và kết tội Chu Tử đã “tiêm những nọc độc vào nền văn nghệ”. Ông đã kích những vận thơ trơ trên và những vở tuồng, xi nê hạ cấp của đám thi sĩ nửa mùa và bọn con buôn văn nghệ. Ông phê phán những loại “tiểu thuyết ái tình dú đờn”, những “cánh thư xanh, thư hồng”, những truyện quái dị, hoang đường, những tác phẩm kêu gọi bản năng... Các bài tổng kết hàng năm, không ít thì nhiều đều tỏ rõ một thái độ không hề khoan nhượng, không hề e sợ đối với những loại văn hoá phẩm đồi lõt nghệ thuật.

Ngòi bút sâu sắc và nhạy cảm với các vấn đề văn học

Cùng song hành với con người sáng tác (với bút danh Vũ Hạnh), con người phê bình Cô

Phương Thảo và Nguyễn Phủ đã đưa con người nghệ thuật lên một trình độ mới, sắc sảo và đầy bản lĩnh. Các bài điểm sách của ông đều ghi nhận một năng lực thẩm bình nhạy bén và tinh tế. Từ bài điểm sách *Thi nhân Việt Nam hiện đại* của Phạm Thanh đến phê bình cuốn *Lược khảo văn học I* của Nguyễn Văn Trung; từ những nhận xét về ba tiểu thuyết của Đỗ Thúc Vịnh đến những ghi nhận về kịch *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan... đều thể hiện sự cần cù và sáng tạo với một tinh thần trách nhiệm rất cao. Ngòi bút Vũ Hạnh không chịu dừng lại ở những phát hiện về nhân vật và thế giới nghệ thuật mà luôn luôn hướng tới những khám phá về đời, tìm kiếm những giới hạn của chiều sâu tác phẩm. Sự chu đáo, sắc sảo của nhà nghiên cứu ở một thời điểm như xã hội miền Nam đương thời, là một tinh thần rất đáng trân trọng. Bằng công tác phê bình, Vũ Hạnh đã tự “làm mới” chính mình.

Ngôn ngữ phê bình giàu sắc thái biểu cảm

Nếu trong sáng tác văn học, ngôn từ được chú ý ở tính hình tượng và khả năng giải phóng ý nghĩa của từ thì với ngôn từ phê bình văn học, người ta chú ý đến tính hàm súc và khả năng lập luận. Trong các công trình nghiên cứu phê bình văn học của Vũ Hạnh cũng thế, chỉ có điều, với một phương pháp tư duy và một cách lập luận riêng, ông đã sớm xác định cho mình một hệ thống ngôn từ mang đậm dấu ấn cá nhân.

Người ta có thể thấy trong ngôn ngữ phê bình của Vũ Hạnh, ngoài sự khách quan trong điểm nhìn, lúc cần thiết, ông vẫn tạo cho mình một thái độ riêng, thẳng thắn và giàu cảm xúc. Qua các bài viết, ta nhận thấy trong ngôn ngữ phê bình của Vũ Hạnh có một thái độ mỉa mai hết sức rõ ràng. Nó được thể hiện bằng một ngôn ngữ giàu sắc thái. Điều đó đã tạo cho các bài điểm sách của ông một ấn tượng riêng biệt. Những cụm từ như “kẻ gây ra tai nạn”, “những vận thơ trơ trên”, “bối mốt dĩ vãng”, “tiểu thuyết dú đờn”... được Vũ Hạnh thể hiện bằng một cái nhìn bi phẫn nên có sức công phá vô cùng mạnh mẽ, nó đánh thẳng vào lòng tham, thói sĩ diện, về tự phụ, sự giả dối... của con người văn nghệ.

Bên cạnh đó, Vũ Hạnh cũng không thiếu những từ ngữ và hình ảnh giàu tính hình tượng. Đây là điều không thường thấy trong phê bình. Đọc các bài viết của ông, ta thấy hình ảnh tượng trưng ở khắp nơi. Lời văn vì thế trở nên khoáng đạt và đa nghĩa. Chẳng hạn, khi giới thiệu *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan, Vũ Hạnh viết: “Trong cái không khí tiêu điều của ngành thoai kích xứ ta, *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan thổi về một cơn gió bắc lên từ những chiều đông của miền sa mạc”. Tìm hiểu về những nhân vật của Sơn Nam, Vũ Hạnh thấy: “Cô đơn tất cả, và những nhân vật của Sơn Nam đi qua còn để lại một niềm hoang vắng mênh mông”... Ngôn ngữ phê bình ấy không chỉ hàm chứa nội dung phong phú mà còn gợi mở những liên tưởng và tưởng tượng thú vị. Sự phê bình, vì thế, đã có được sức sống nội tại, sức sống từ một tâm hồn tràn trề nhiệt tình và một ý thức nghệ thuật sâu sắc.

Có thể nói, với lĩnh vực nghiên cứu phê bình, nhà nghiên cứu đã bỏ vào đấy nhiều tâm lực. Việc Vũ Hạnh sớm xác định cho mình một lý tưởng nghệ thuật chân chính đã giúp ông có được niềm tin, sự hứng khởi và lòng đam mê

nghiên cứu, sáng tạo. Những bài tổng kết tình hình văn học, những bài phê bình các công trình biên khảo, đánh giá về các sáng tác mới trong suốt thời kỳ này của ông, đã giúp cho chúng ta có một cái nhìn toàn diện hơn, sâu sắc hơn về nền văn nghệ miền Nam. Từ đó, ta có thêm cơ sở để nhìn lại nó, nhận lại những gương mặt đã góp phần tạo nên sự đa dạng, phức tạp của nền văn nghệ nước nhà.

Tuy còn có những hạn chế về thái độ phê bình, về phương pháp tiếp cận... ở một vài điểm, nhưng phải nói, những gì mà Vũ Hạnh đã mang đến cho chúng ta hôm nay là vô cùng quý giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Các bài viết của Vũ Hạnh trên *Bách khoa thời đại* (Sài Gòn) từ 1958 – 1972 (dưới hai bút danh Cô Phương Thảo và Nguyễn Phú).
- (2) Trần Trọng Đăng Đàn *Văn học thực dân mới Mỹ ở miền Nam những năm 1954 – 1975*, tập 2, NXB Sự Thật – HN – 1991.
- (3) Vũ Hạnh *Tìm hiểu văn nghệ* - Trí Đăng XB - Sài Gòn – 1970.

DÒNG CHẢY FDI...

(Tiếp theo trang 11)

- Chính sách về lao động và nguồn nhân lực cũng cần được nghiên cứu, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

- Đối với công tác cấp giấy phép đầu tư và quy trình quản lý doanh nghiệp FDI cần giảm bớt thủ tục, xoá bỏ các khâu rườm rà, không cần thiết.

- Ban hành Luật chống bán phá giá, chống độc quyền,...

Từ khi có Luật đầu tư nước ngoài nguồn vốn FDI đã ngày càng đóng vai trò quan trọng trong công cuộc CNH, HĐH ở Việt Nam. FDI đã góp phần tăng năng suất lao động xã hội, thúc đẩy tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao tay nghề người lao động cải thiện trình độ quản lý doanh nghiệp... hàng năm góp phần đáng

kể vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy, trong bối cảnh cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài trong khu vực và trên thế giới ngày càng gay gắt như hiện nay, Việt Nam đã, đang và sẽ nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và sử dụng tối ưu nguồn vốn này cho tăng trưởng và phát triển. Góp phần quan trọng vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1. *Tạp chí nghiên cứu Tài chính Kế toán số 8,9/2004*
- 2. *Thời báo Kinh tế Việt Nam số 208, 216, 219/2005, VietNam Foreign Invest 2005*
- 3. *Tạp chí Nghiên Cứu khoa học – Học viện Tài chính số 4(27)2003, số 2(32)2004, số 2(40)2005, 4(42)2005*
- 4. www.unctad.org ; www.mof.gov.vn

VĂN HÓA GIAO TIẾP VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CN. ĐỖ KHẮC THANH

Phòng QLKH & QHQT

HIỆN nay phong trào học, sử dụng ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đang phát triển mạnh mẽ, đó là xu thế phát triển tất yếu trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên, để giao tiếp một cách có hiệu quả trong bang giao quốc tế, ngoài khả năng biểu đạt ngôn ngữ, khả năng tư duy, cộng với kiến thức nền thì còn một điều không thể thiếu và là một yếu tố quyết định sự thành công trong giao tiếp đó chính là văn hóa giao tiếp.

Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng của mình bởi họ có ngôn ngữ riêng và ngôn ngữ chính là một phần của văn hóa và ngược lại (Language is a part of culture). Vậy nên khi học một ngôn ngữ tức là phải học cả văn hóa của họ, ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến “**Văn hóa giao tiếp**” bao gồm sự hiểu biết về phong tục tập quán, lối sống, ý thức hệ... của một dân tộc hay một quốc gia nào đó. Người ta thường nói “**Biết thêm một ngoại ngữ là sống thêm một cuộc đời**” là vì lẽ đó. Nếu chúng ta mới chỉ dừng lại ở việc học ngôn ngữ đơn thuần mà thiếu đi mảng văn hóa giao tiếp thì mới chỉ được một nửa. Tức là chúng ta nói tiếng Anh nhưng lại tư duy của người Việt, hành động theo kiểu người Việt. Mặc dù chúng ta rất tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc nhưng khi giao tiếp quốc tế chúng ta không thể mang cái gọi là “**Chuẩn mực**” trong văn hóa giao tiếp của người Việt rồi thông qua ngôn ngữ truyền tải đến người nước ngoài để giao tiếp với họ thì đôi khi sẽ gây sự hiểu lầm đáng tiếc, hoặc sự khó chịu, bối rối khó xử thậm chí còn mất lịch sự.

Dưới đây là một số điểm khác biệt cơ bản giữa văn hóa giao tiếp của người Việt với văn hóa của một số nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ,

Australia...) bao gồm những điều nên tránh, nên biết và nên làm trong quá trình giao tiếp quốc tế.

I - NHỮNG ĐIỀU NÊN TRÁNH:

1. Tránh hỏi những câu có tính chất riêng tư với những người mới gặp:

- Anh năm nay bao nhiêu tuổi ?
- Chị đã có chồng chưa?” hoặc
- Mỗi tháng lương của anh được bao nhiêu?”... những câu hỏi này đối với người Việt Nam là hết sức bình thường, đó là sự thể hiện sự quan tâm đối với người mà mình đối thoại. Nhưng đối với họ đó là điều tối kỵ, đặc biệt là với phụ nữ khi ta hỏi “Chị đã có chồng chưa?”. Họ hoàn toàn không thích khi bị hỏi như vậy và cho là ta quá tò mò. Trong trường hợp ta thực sự muốn tìm hiểu ai đó về tình trạng gia đình kiểu như “thăm vấn” ta cũng có thể hỏi: “Anh (chị) có thể cho biết đôi điều về bản thân được không?” Với câu hỏi như thế này họ sẽ vui vẻ trả lời những điều mà họ không giấu giếm.

2. Tránh dùng những câu hỏi theo kiểu người Việt Nam.

Người Việt Nam khi gặp nhau thường hỏi “Bà đi đâu đấy?” “Chị đã ăn cơm chưa?” hoặc “Anh đang làm gì?” và câu đáp lại thường là “Tôi đi ra đây tí!”, “Tôi đi đàng này”... Xét về chức năng ngữ pháp, đây là các câu nghi vấn? Nhưng thực chất đây là những câu chào kiểu người Việt, người hỏi chỉ để mà hỏi chứ không quan tâm đến câu trả lời ra sao. Trong trường hợp muốn chào nhau, ta phải dùng theo cách của họ chứ không nên dùng các câu hỏi kiểu câu chào như vậy nghe rất buồn cười.

3. Tránh kiểu diễn đạt vòng vo tam quốc:

Người phương Tây nói chung rất thích phong cách thẳng thắn chân thành. Họ không nên giấu giếm những điều họ không thể hiểu hoặc chưa biết. Khi trình bày một vấn đề nào đó họ nên đi thẳng vào vấn đề ngay, tránh dài dòng không cần thiết. Nên mạnh dạn bày tỏ chính kiến với phía đối tác, phân nào ta nhất trí hoặc chưa nhất trí. Tôi được biết nhiều người khi thương thảo lắng nghe rất chăm chú và gật đầu lia lịa ra chiều tâm đắc lắm. Nhưng cuối cùng vẫn không có được sự đồng thuận giữa hai bên. Hành động “gật đầu” chỉ có nghĩa rằng họ chú ý, quan tâm đến vấn đề mà họ đang trình bày mà thôi, chứ không hẳn là họ hoàn toàn tán đồng với quan điểm mà họ nêu ra. Chính vì sự khác biệt này đôi khi đã xảy ra sự hiểu lầm giữa hai bên.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LÀM:

1. Cần giữ đúng hẹn và tôn trọng lời hứa.

Nhìn chung người nước ngoài đều có tác phong làm việc rất công nghiệp và quý trọng thời gian, do vậy khi cần gặp để trao đổi công việc ở cơ quan hoặc chỗ ở nhất thiết họ phải có hẹn trước, nếu không họ rất khó chịu hoặc chí ít cũng không thoải mái với sự có mặt của ta. Và một điều nữa rất quan trọng là đúng giờ không có kiểu giờ cao su như ở ta, nên đến trước hẹn từ 5 đến 7 phút là tốt nhất. Ví dụ người Nhật chỉ cần chậm 5 phút họ sẽ hủy bỏ ngay cuộc họp với bất kỳ lý do gì họ cho là mất thời gian của họ khi phải chờ đợi. Nếu vì lý do nào đó ta không đến được, ta nên gọi điện đến trước giờ hẹn xin lỗi và hẹn dịp khác.

2. Cần tôn trọng lời khen:

Đối với người Việt Nam, khi có ai đó khen ta thường phản ứng ngay theo kiểu “khiêm tốn”. Chẳng hạn khi ai đó khen : “Anh có ngôi nhà đẹp quá !” thì ta thường nghe thấy câu trả lời : “Ồi dào, nhà này thì ăn thua gì, lỗi mất rồi!” hoặc “cháu nhà anh nom đẹp trai và thông minh quá!” ta cũng thấy phản

ứng lại “Trông thế thôi chứ nghịch như giặc lắm, học thì dốt...” Nhưng khi giao tiếp với người nước ngoài họ phản ứng kiểu như vậy họ rất tự ái và cho là ta không tôn trọng lời khen của họ. Trong trường hợp đó ta nên nói: “Vâng xin cảm ơn lời khen của anh, tôi cũng hy vọng là được như vậy”.

III - NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT:

1. Khi tặng quà: Người Việt Nam khi tặng quà thường rất chú ý đến hình thức gói quà; thường gói bọc rất cẩn thận và đẹp mắt. Nhưng khi ta tặng quà cho người nước ngoài bạn đừng ngạc nhiên khi thấy họ mở ngay trước mặt khách vì đó là phong tục của họ. Và khi chuẩn bị tặng quà cho ai đó luôn phải nghĩ rằng cái đó họ có thích hay không chứ không phải là cái ta thích.

2. Khi được mời ăn tiệc hoặc dự tiệc:

Ngoài bữa tiệc có tính chất ngoại giao, còn lại khi ta mời họ hoặc là họ mời ta đi ăn tiệc, theo phong tục của họ người nào có mặt phải trả phần của mình. Nếu họ mời đi họ sẽ chủ động thanh toán và sẽ cho biết mỗi người phải trả bao nhiêu, nếu họ chưa nói ta cũng nên chủ động hỏi. Nếu ta mời họ ta chủ động thanh toán, họ cũng sẽ hỏi ngay phải trả bao nhiêu, ta cũng nên nhận phần đóng của họ như vậy họ sẽ cảm thấy thoải mái hơn. Điều này khác với người Việt, ai mời người đó trả, hôm nay tôi trả bữa khác đến lượt anh, đó là điều bình thường trong đời sống của người Việt.

Khi ta được mời đến dự tiệc tại chỗ ở của họ ta cũng nên chuẩn bị trước một số thứ để góp vào bữa tiệc có thể là: Một ít trái cây, hộp bánh hoặc trai rượu... nếu chủ nhà là nữ có thêm vài bông hoa thì càng tốt. Họ chắc chắn sẽ rất vui khi ta hiểu biết được phong tục của họ.

Đó là một số điểm về văn hóa giao tiếp với nước ngoài, với mong mỏi sẽ giúp ích được bạn đọc phần nào trong quan hệ quốc tế theo phương châm của Đảng và Nhà nước ta: “Chủ động trong quá trình hội nhập, đa dạng hóa, đa phương hóa”.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 13 tháng 4 năm 2005

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

(Ban hành nhằm hướng dẫn thực hiện Quy chế về NCKH của sinh viên theo Quyết định số 08/2000/QĐBGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo)

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích nghiên cứu khoa học (NCKH):

- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
- Tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.

1.2. Yêu cầu về NCKH:

- Phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sinh viên.
- Phù hợp với nội dung của chương trình đào tạo của trường và một số đòi hỏi thực tiễn của xã hội.
- Phù hợp với định hướng các hoạt động khoa học - công nghệ của các đơn vị và của toàn trường.
- Không ảnh hưởng đến việc học tập chính khóa của sinh viên.

1.3. Nội dung và hình thức NCKH:

- * Tổ chức hội nghị, câu lạc bộ khoa học, hội thi sáng tạo để:
 - Trao đổi kinh nghiệm về phương pháp học tập, NCKH.
 - Thông tin những thành tựu khoa học trong và ngoài nước.
 - Thuyết trình các chuyên đề khoa học.
 - Báo cáo kết quả các công trình NCKH của sinh viên.
- * Viết bài đăng ở thông tin khoa học của trường.
- * Viết tiểu luận hoặc tự chọn đề tài NCKH về những vấn đề thuộc những lĩnh vực đào tạo, dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy (CBGD).
- * Tham gia các đề tài NCKH hoặc tham gia triển khai áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ở trong và ngoài trường (do CBGD chủ trì).

2. ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN ĐƯỢC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG NCKH VÀ ĐỐI TƯỢNG CBGD ĐƯỢC HƯỚNG DẪN SINH VIÊN NCKH

2.1. Đối tượng sinh viên được tham gia các hoạt động NCKH.

* Tất cả sinh viên các hệ đào tạo, các ngành học của trường được tham dự các hoạt động

phong trào như: Hội thảo khoa học; câu lạc bộ khoa học sinh viên, hội thi tuổi trẻ sáng tạo...

* Những sinh viên được giáo viên và bộ môn chọn cử sẽ được tham gia triển khai áp

dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ở trong và ngoài trường.

* Sinh viên được thực hiện đề tài NCKH

- Sinh viên hệ cao đẳng năm thứ 2, 3 hoặc sinh viên hệ đại học từ năm thứ 2 trở lên làm các đề tài có nội dung thuộc các môn học mà sinh viên ấy có điểm thi lần đầu đạt từ điểm 9 trở lên và điểm trung bình chung học tập (TBCHT) ở năm học trước đạt từ 6 trở lên, không có môn phải thi lại.

- Sinh viên hệ cao đẳng năm thứ 2, 3 hoặc sinh viên hệ đại học từ năm thứ 2 trở lên có điểm TBCHT của năm học trước đạt từ 7 trở lên và không có môn phải thi lại.

2.2. Đối tượng CBGD được hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH.

- Tất cả giảng viên chính và CBGD được bộ môn và khoa phân công đều được hướng dẫn sinh viên NCKH.

- Số lượng công trình được hướng dẫn (bao gồm cả khóa luận tốt nghiệp - KLTN và đề tài NCKH) quy định như sau:

* Giảng viên chính không quá 3 (đề tài + KLTN)/năm học.

* CBGD không quá 2 (đề tài + KLTN)/năm học.

Ghi chú: Đề tài NCKH của sinh viên nói trong bảng hướng dẫn này là đề tài do sinh viên tự chọn, có sự giúp đỡ của CBGD hoặc đảm nhận một phần đề tài NCKH các cấp do CBGD chủ trì, trừ khóa luận tốt nghiệp.

3. QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA SINH VIÊN

3.1. Quản lý kế hoạch.

NCKH của sinh viên là một phần của kế hoạch khoa học - công nghệ của các đơn vị nói riêng và toàn trường nói chung. Việc triển khai và quản lý NCKH của sinh viên được thực hiện theo những quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ, cụ thể:

3.1.1. Đăng ký và xét duyệt kế hoạch.

a) Các hoạt động NCKH của sinh viên nói chung:

Được tiến hành từ các lớp, các bộ môn, đến các khoa và toàn trường.

b) Riêng đối với đề tài NCKH được thực hiện theo trình tự như sau:

- Mỗi sinh viên hoặc nhóm sinh viên đăng ký đề cương đề tài và đề nghị giáo viên hướng dẫn.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp xem xét, chuyển danh sách đăng ký của sinh viên tới bộ môn.

- Bộ môn tập hợp danh sách sinh viên đăng ký, phân công giáo viên hướng dẫn, xét duyệt đề cương, lập danh sách báo cáo Hội đồng khoa học (HĐKH) khoa.

- HĐKH khoa xem xét, đề nghị lãnh đạo khoa quyết định danh sách sinh viên được NCKH ở đơn vị mình và báo cáo với thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường (HĐKH&ĐT) - Trước ngày 25/10, học kỳ 1/năm học.

- Thường trực HĐKH&ĐT trường xem xét, tổng hợp danh sách sinh viên NCKH và trình Hiệu trưởng quyết định, trước ngày 10/11, học kỳ 1/năm học

3.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch:

- Từng tập thể, cá nhân tự giác, chủ động triển khai, trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo lên cấp có thẩm quyền.

- Thủ trưởng các đơn vị, trưởng bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp có trách nhiệm tạo điều kiện, động viên, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của cá nhân và tập thể ở cấp dưới quyền mình.

3.1.3. Đánh giá kết quả, lựa chọn, xếp loại các công trình NCKH.

Tổ chức hội nghị sinh viên NCKH để sinh viên báo cáo kết quả và xét chọn các công trình xuất sắc tham gia ở cấp cao hơn. Cụ thể:

a) Về thời gian:

* Cấp bộ môn: Từ ngày 10 đến 30/4, học kỳ 2/ năm học.

* Cấp khoa (cấp tương đương): từ ngày 01/5 - 15/5 / năm học.

* Cấp trường: 16/5 - 30/5 / năm học.

b) Về Hội đồng đánh giá:

* Cấp bộ môn: Có ít nhất 5 thành viên bao gồm:

- Trưởng bộ môn

- GV dạy môn học liên quan trực tiếp đến nội dung của đề tài

- 3 GV dạy các môn học có liên quan gần đến nội dung đề tài.

* Cấp khoa: Là Hội đồng khoa học của khoa, mời thêm GV môn học có liên quan trực tiếp đến nội dung của đề tài.

* Cấp trường: Phòng QLKH&QHQT đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá.

c) Về tiêu chí và cách cho điểm đánh giá kết quả đề tài ở các Hội đồng:

- Lý do lựa chọn và tính cấp thiết của đề tài (1 điểm)

- Mục đích, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu, kết luận (6 điểm)

- Hiệu quả kinh tế, xã hội, giáo dục... (1 điểm)

- Cách trình bày, bảo vệ trước hội đồng (2 điểm)

* Tổng cộng đánh giá đề tài theo 4 tiêu chí trên là 10 điểm

d) Lựa chọn và xếp loại khen thưởng

* Cấp bộ môn: Chọn nhiều nhất 3 đề tài để dự thi ở cấp khoa

* Cấp khoa:

- Lựa chọn từ (3 - 5) đề tài để tham dự cấp trường và xếp loại đề nghị khen thưởng theo thứ tự: nhất, nhì, ba.

* Cấp trường:

- Chọn đề tài dự thi cấp Bộ (theo số lượng phân bổ cụ thể hàng năm của Bộ GD&ĐT).

- Chọn 12 - 15 giải để khen thưởng (xếp loại theo thứ tự: nhất, nhì, ba và khuyến khích).

3.2. Trách nhiệm của phòng QLKH&QHQT

* Đề xuất kế hoạch, nội dung, biện pháp tổ chức các hoạt động NCKH hàng năm của sinh viên.

* Chủ trì phối hợp với phòng Đào tạo, phòng TCCB - CTCT, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các khoa và bộ môn trực thuộc trong công tác NCKH của sinh viên.

* Đề xuất các phương án ứng dụng kết quả các công trình NCKH của sinh viên vào thực tiễn, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và trong phạm vi cho phép của trường.

3.3. Kinh phí hoạt động NCKH của sinh viên được trích từ các nguồn:

- Là một phần trong kinh phí NCKH hàng năm của trường.

- Kinh phí đào tạo thường xuyên của trường.

- Kinh phí của các đơn vị, cá nhân hợp đồng NCKH hoặc chuyển giao khoa học - công nghệ với trường (nếu có); hoặc kinh phí tự có của trường.

4. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA SINH VIÊN THAM GIA NCKH VÀ CÁN BỘ HƯỚNG DẪN.

4.1. Trách nhiệm của sinh viên.

* Những sinh viên tự nguyện tham gia hoặc tự chọn đề tài NCKH phải đăng ký từ cơ sở và được sự thống nhất của bộ môn, khoa.

* Thực hiện đề tài NCKH được giao theo đúng kế hoạch của trường và các đơn vị.

* Chấp hành các quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà nước nói chung và nhà trường nói riêng.

4.2. Quyền lợi của sinh viên NCKH.

* Được tạo điều kiện sử dụng các thiết bị sẵn có của trường để tiến hành NCKH.

* Các công trình NCKH của sinh viên được báo cáo tại hội nghị KHSV từ cấp bộ môn đến cấp Bộ (tuỳ theo kết quả xếp loại chất lượng của công trình).

* Các báo cáo khoa học của sinh viên đạt yêu cầu ở cấp trường được đăng trong thông tin khoa học của trường.

* Các đề tài NCKH của sinh viên được trường hỗ trợ một lần 2 khoản sau:

- Tiền đánh máy vi tính đề tài (không quá 50 trang): 4.000đồng/trang đối với các môn Toán, Lý, Hóa, Ngoại ngữ và 3.000đồng/trang đối với các môn học khác.

- Tiền photocopy và đóng quyển 8 cuốn đề tài: 150đồng/trang.

* Những sinh viên có đề tài NCKH được (giải cấp trường) sẽ ưu tiên khi xét các danh hiệu thi đua, xét học bổng và được cấp giấy chứng chỉ tham gia NCKH.

* Những sinh viên có đề tài NCKH được giải từ cấp Khoa đến cấp Bộ được thưởng tiền và được cộng thêm điểm vào điểm TBCHT của năm đang học (trừ SV đã tốt nghiệp) theo các mức cụ thể dưới đây:

a) Được giải cấp khoa.

* Mức tiền thưởng:

- Giải nhất: 100.000đ/ 1 đề tài.

- Giải nhì: 70.000đ/ 1 đề tài.

- Giải ba: 50.000đ/ 1 đề tài.

* Mức cộng điểm:

- Giải nhất: 0,15 điểm/ 1 đề tài.

- Giải nhì: 0,1 điểm/ 1 đề tài.

- Giải ba: 0,05 điểm/ 1 đề tài.

b) Được giải cấp trường.

* Mức tiền thưởng:

- Giải nhất: 150.000đ/ 1 đề tài.

- Giải nhì: 100.000đ/ 1 đề tài.

- Giải ba: 70.000đ/ 1 đề tài.

- Giải k.khích: 50.000đ/1 đề tài.

* Mức cộng điểm:

- Giải nhất: 0,2 điểm/ 1 đề tài.

- Giải nhì: 0,15 điểm/ 1 đề tài.

- Giải ba: 0,1 điểm/ 1 đề tài.

- Giải k.khích: 0,05 điểm/1 đề tài.

c) Được giải cấp Bộ GD&ĐT :

* Mức tiền thưởng: Theo Quyết định của Bộ GD&ĐT

* Mức cộng điểm:

- Giải nhất: 0,4 điểm/ 1 đề tài.

- Giải nhì: 0,3 điểm/ 1 đề tài.

- Giải ba: 0,2 điểm/ 1 đề tài.

- Giải khuyến khích: 0,1 điểm/ 1 đề tài.

4.3. Trách nhiệm và quyền lợi của CBGD hướng dẫn sinh viên NCKH.

* **Trách nhiệm:** Chịu trách nhiệm trước bộ môn và khoa về đề tài NCKH của sinh viên đã được phân công hướng dẫn. Cụ thể:

- Hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương NCKH, viết báo cáo khoa học.

- Xem xét các đề nghị của sinh viên và báo cáo đề xuất với lãnh đạo đơn vị.

* **Quyền lợi:**

- Mỗi đề tài là: 08 giờ chuẩn.

- Được giải cấp khoa: 10 giờ chuẩn/ 1 ĐT

- Được giải cấp trường: 16 giờ chuẩn/ 1 ĐT

- Được giải cấp Bộ: 20 giờ chuẩn/1 ĐT

+ Được giải cấp Bộ còn được thưởng tiền với giá trị bằng mức của Bộ GD & ĐT thường cho sinh viên được giải mà CBGD đó hướng dẫn.

+ Mỗi đề tài chỉ được hưởng một trong bốn mức giờ chuẩn ở trên.

4.4. Xử lý vi phạm:

Trường hợp phát hiện thấy công trình NCKH của sinh viên thiếu tính trung thực, thủ trưởng các đơn vị tùy thuộc vào mức độ vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau đối với tác giả và CBGD hướng dẫn công trình.

HIỆU TRƯỞNG

Có thể bạn chưa biết ?**Vì sao không có giải Nobel toán học?**

GIAI Nobel được trao hàng năm cho những người có nhiều cống hiến xuất sắc trong 5 lĩnh vực khoa học: Vật lý, Hoá học, Y học, Kinh tế và Văn học. Nhưng tại sao trong di chúc của mình, Nobel chỉ trao giải cho 5 lĩnh vực khoa học? Toán học chẳng hạn, nó là môn khoa học cơ bản hết sức quan trọng, là nhà khoa học lừng danh, Nobel quá hiểu điều này, vậy thì tại sao ông không đưa toán học vào danh sách trao giải?

Một nguồn tin lan truyền phổ biến từ trước đến giờ là do những lý do hết sức cá nhân. Có nguồn tin cho rằng, trước đây, Nobel đã chia tay với một phụ nữ là nhà toán học và bao cay cú, ông trút hết vào môn toán. Lại có vài tờ báo đăng tin về mối quan hệ thù địch của Nobel với nhà toán học người Thụy Điển Mittag - Leffler khi cả hai cùng cảm mến nhà khoa học nữ tài năng và xinh đẹp Sofia Kovalevskaja mà Nobel là người thất bại. Ngoài ra còn một Sofia khác cũng bỏ Nobel đi lấy chồng và anh chồng kia cũng lại là nhà toán học. Chuyện kể rằng, trong một lần đưa vợ đi xem kịch, Nobel bị một vụ ế chề. Số là, khi vợ chồng nhà bác học vĩ đại đang ngồi với nhau hết sức âu yếm trên hàng ghế trong nhà hát thì một thanh niên tiến lại gần họ. Chàng trai nâng tay cô gái (vợ Nobel) hôn rất say mê, say mê đến nỗi giẫm cả vào chân Nobel mà không thêm để ý đến nhà bác học vĩ đại đang ngồi cạnh. Sau khi chàng trai cáo từ, Nobel giận tím mặt hỏi: Hay thật! Vậy ngoài thời gian ve gái, hẳn làm gì?

Ông nhận được câu trả lời tỉnh khô: Đây là nhà toán học trẻ và... khá nổi tiếng. Nobel cười gằn rồi lẩm bẩm: Phải cho nó bài học... một bài học!

Những mẩu chuyện trên được các nhà bác học coi như chuyện tiểu lâm về Nobel. Ai cũng biết rằng, Nobel chưa một lần lấy vợ chính thức. Mâu thuẫn giữa Nobel và Mittag - Leffter là có thực. Người thứ 2 ra sức tâng bốc sự nghiệp của Sofia Kovalevskaja, tìm mọi cách để Đại học Tổng hợp Stockholm phong cho nhà toán học tài năng này hàm giáo sư. Alfred Nobel lại là nhà tài trợ chính của trường ĐHTH Stockholm nên cái việc ấy đã bị "gối lại". Sau này, Mittag - Leffter ra sức thuyết phục Nobel và câu chuyện đi sang hướng khác: Nobel giận dữ xóa tên trường ĐHTH Stockholm trong di chúc của mình.

Sau này, Stig Ramel, Viện trưởng Viện Nobel

giải thích: Chẳng việc gì phải mất thời gian để đi tìm cái việc kín kẽ ấy. Tại sao Nobel chỉ trao giải thưởng cho 5 ngành khoa học? Đơn giản chỉ vì chúng rất gần gũi với cuộc đời ông. Nobel là nhà hóa học lại nghiên cứu về vật lý, y học, rất mê văn học và tham gia tích cực vào công việc gìn giữ hoà bình.

Các nhà toán học nghĩ gì về chuyện này? Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Pháp, giáo sư toán học viện Kurant thuộc ĐHTH New York - Mikhail Gromov cho rằng, chúng ta cần phải nghiên cứu cận kề nội dung bản di chúc của Nobel để có thể hiểu được sự lựa chọn của ông. Ý nguyện của Nobel chỉ là trao giải cho những môn khoa học ứng dụng, ngoài ra, những phát minh khoa học phải hết sức thực tiễn, dễ nhận thấy và mang lại lợi ích to lớn cho loài người. Trong di chúc của mình, Nobel loại những khoa học tự biện mà kết quả của nó không được kiểm nghiệm một cách khách quan. Toán học chính là môn khoa học thuộc hệ ấy.

Nobel là người sáng chế ra thuốc nổ. Xét về mặt cống hiến cho khoa học thì thuốc nổ chưa phải là thành tựu ghê gớm nhưng nó có ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn. Nhà vật lý nổi tiếng thế giới Vitten nhận giải Fild vì những thành tựu khoa học lớn lao của ông trong lĩnh vực vật lý nhưng những thành tựu ấy thật khó có thể nhận được giải Nobel vì những kết quả nghiên cứu của Vitten thật khó có thể kiểm nghiệm được trong phòng thí nghiệm trong thời điểm hiện nay. Đây là ví dụ điển hình về việc tuân thủ theo những nguyên tắc trong việc thực hiện di chúc của Nobel.

Trong toán học có nhiều giải thưởng đầy uy tín. Huy chương Fild ra đời vào năm 1936, giải thưởng Abel mà tiền thưởng của nó lên tới 750 nghìn USD. Giải thưởng Nobel có ý nghĩa xã hội lớn hơn so với ý nghĩa khoa học. Với trị giá giải thưởng rất lớn (1,1 triệu EUR, năm 2005) và trong buổi lễ trao giải vô cùng long trọng, giải Nobel luôn là niềm khao khát của các nhà khoa học. Nhận giải Nobel, các nhà bác học tìm được "quyền lực" lớn trong khoa học nhưng trên thực tế, chưa hẳn tài năng và sự cống hiến cho khoa học của họ đã thực sự xứng đáng. Từ quan điểm trên, Mikhail Gromov khẳng định: Giải Fild, xét về mặt khoa học có giá trị hơn giải Nobel.

DẶNG ANH PHƯƠNG

(Theo ARgumenty i Fakty)

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

ThS. **ĐẶNG VĂN HƯƠNG**
P. Trưởng phòng QLKH & QhQT

Nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường

Trong thời gian vừa qua, Hội đồng khoa học trường đã tổ chức nghiệm thu, đánh giá và xếp loại các đề án, đề tài NCKH cấp cơ sở, kết quả như sau:

1. Dự báo quy mô giáo viên phổ thông của ngành Giáo dục tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2004 - 2010.

Chủ nhiệm đề tài: **TS. Lê Xuân Trường**
Xếp loại: Xuất sắc.

2. Xây dựng phần mềm quản lý thi trắc nghiệm trên máy tính.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Đỗ Tùng**
Xếp loại: Xuất sắc

3. Xây dựng phòng thí nghiệm Hoá học đại cương.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Mai Thuý Hồng**
Xếp loại: Xuất sắc

4. Xây dựng phòng thí nghiệm Sinh học đại cương.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Hà Quế Cường**
Xếp loại: Xuất sắc

5. Bài tập Giải tích toán học 2 (Dùng cho SV hệ ĐHSP Toán).

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Phan Thị Tình**
Xếp loại: Xuất sắc

6. Bài tập lý thuyết tập hợp và logic

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Nguyễn Chí Thanh**
Xếp loại: Xuất sắc

7. Xây dựng bộ đề thi trắc nghiệm hai học phần Chạy cự ly ngắn - Tiếp sức và Nhảy xa.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Nguyễn Bích Thuý**

Xếp loại: Xuất sắc

8. Đổi mới phương pháp dạy học môn công nghệ 9.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Phạm Đức Triển**

Xếp loại: Khá

9. Biên soạn giáo trình: “Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Nguyễn Thái Hà**

Xếp loại: Xuất sắc

10. Bài tập Hình học (Dùng cho SV hệ ĐHSP Tiểu học).

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Trần Ngọc Thuý**

Xếp loại: Xuất sắc

11. Tìm hiểu tranh vẽ, màu sắc tranh thiếu nhi và dạy vẽ tranh ở một số trường THCS hiện nay trong tỉnh Phú Thọ.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Cù Xuân Tuyền**

Xếp loại: Khá

12. Dự báo quy mô phát triển HS phổ thông (trong độ tuổi đi học) của tỉnh Phú Thọ đến 2015.

Chủ nhiệm đề tài: **TS. Ngô Văn Nhuận**

Xếp loại: Khá

13. Đổi mới nội dung, phương pháp đánh giá học tập học phần: Tiếng Việt thực hành B của SV trường Đại học Hùng Vương.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Cao Văn Thịnh**

Xếp loại: Khá

14. Sử dụng tục ngữ và thơ ca trong dạy học Tâm lý học ở trường Đại học Hùng Vương.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Cù Lan Thọ**

Xếp loại: Xuất sắc

15. Vận dụng PPDH vi mô để rèn luyện kỹ năng sử phạm cho sinh viên trường ĐHHV qua học phần: rèn luyện nghiệp vụ sử phạm.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Phan Thị Tuyền**

Xếp loại: Xuất sắc

16. Nghiên cứu tuyển chọn một số thể loại văn học dân gian vùng Đất Tổ nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học học phần Văn học dân gian ở trường Đại học Hùng Vương.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Dương Bích Liên**

Xếp loại: Xuất sắc

17. Đổi mới phương pháp truyền thông theo hướng tích cực hoá người học ở các Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã, phường tỉnh Phú Thọ.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Phạm Đức Triển**

Xếp loại: Xuất sắc

18. Nghiên cứu xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu bồi dưỡng PPDH cho giáo viên dạy Công nghệ cấp THCS tỉnh Phú Thọ. (Cấp ngành GD & ĐT Phú Thọ)

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Phạm Đức Triển**

Xếp loại: Xuất sắc

19. Đổi mới thi học phần ở trường Đại học Hùng Vương.

Chủ nhiệm đề án: **ThS. Nguyễn Quang Tiến**

Xếp loại: Xuất sắc

20. Xây dựng các tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của trường ĐHHV.

Chủ nhiệm đề án: **CN. Nguyễn Thị Lợi**

Xếp loại: Xuất sắc

21. Địa lý tỉnh Phú Thọ (Tài liệu tham khảo cho giáo viên dạy phần Địa lý địa phương THCS, lớp 9).

Chủ nhiệm đề tài: **TS. Ngô Văn Nhuận**

Xếp loại: Xuất sắc

22. Một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên Đại học khoa Ngoại ngữ, trường ĐHHV.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Nguyễn Văn Thọ**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

23. Ứng dụng phân môn điêu khắc để tổ chức cho SV Cao đẳng Mỹ thuật - Trường ĐHHV sản xuất gốm mỹ thuật.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Nguyễn Quang Hưng**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

24. Khảo sát chất lượng dạy học của GV âm nhạc THCS được đào tạo tại trường CĐSP khoá 1999 - 2002 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Cao Hồng Phương**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

25. Chiến khu Minh Hoà trong cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Nguyễn Phi Nga**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

26. Đổi mới cách đánh giá kết quả học tập môn lịch sử lớp 7 của HS các trường THCS thị xã Phú Thọ.

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Vy Bích Thuý**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

27. Một số biện pháp nhằm bồi dưỡng tư duy lý luận khoa học cho sinh viên trường ĐH Hùng Vương qua việc giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin.

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Nguyễn Ngọc Cường**

Đánh giá tiến độ 1 năm, xếp loại: Khá

Đánh giá tiến độ thực hiện đề tài cấp tỉnh

Đề tài cấp tỉnh: “ Nghiên cứu tính khả thi của việc dạy và học tiếng Anh bậc tiểu học theo chương trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo ở tỉnh Phú Thọ”, chủ nhiệm đề tài: Tiến sĩ Lê Xuân Trường - Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương- cùng các cộng tác viên của trường, đã được Hội đồng khoa học trường đánh giá tiến độ thực hiện 1 năm và xếp loại xuất sắc.

Mục tiêu của đề tài là: Đánh giá được thực trạng việc dạy và học tiếng Anh bậc tiểu học ở tỉnh Phú Thọ, xây dựng một số mô hình dạy và học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội - giáo

dục của tỉnh và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện dạy học tiếng Anh theo mô hình, đánh giá tổng kết tính khả thi của mô hình.

Thẩm định đề cương đề tài NCKH năm 2006

Hội đồng khoa học trường đã tổ chức thẩm định thuyết minh đề cương chi tiết các đề tài NCKH năm 2006. Đến nay số lượng đề tài sẽ triển khai thực hiện trong năm 2005 là 22, trong đó đăng ký mới là 15 và 7 đề tài chuyển tiếp từ năm 2005. Công việc đăng ký đề cương đề tài vẫn tiếp tục thực hiện ở các đơn vị trong trường.

Hội thảo khoa học năm học 2005 - 2006

Trong học kỳ 1 năm học 2005 – 2006, trường Đại học Hùng Vương đã tổ chức 2 Hội thảo khoa học quan trọng có ý nghĩa to lớn trong công tác giáo dục của tỉnh nhà. Đó là:

Hội thảo: “Dạy và học tiếng Anh bậc tiểu học ở tỉnh Phú Thọ” với sự tham gia của lãnh đạo Sở, 12 phòng GD & ĐT tỉnh Phú Thọ, các chuyên viên sở, phòng cùng lãnh đạo của hơn 30 trường tiểu học đang dạy học tiếng Anh. Lãnh đạo trường Đại học Hùng Vương cùng các phòng ban chức năng và cán bộ, giáo viên khoa ngoại ngữ có mặt đầy đủ. Hội thảo đã đánh giá tình hình dạy học tiếng Anh bậc tiểu học hiện nay của tỉnh nhà, trao đổi về hướng triển khai trong thời gian tới. Hội thảo bàn luận sâu sắc về nội dung, phương pháp, hình thức và quy mô ... dạy học tiếng Anh ở tiểu học làm sao có chất lượng, hiệu quả. Đánh giá chung Hội thảo đã thu được kết quả tốt đẹp.

Hội thảo: “Đổi mới phương pháp truyền thông tại các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã, phường, thị trấn tỉnh Phú Thọ” đã được đón tiếp đại biểu của Hội khuyến học tỉnh Phú Thọ, một số cán bộ truyền thông của Trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Lãnh đạo trường Đại học Hùng Vương cùng đại biểu đại diện các phòng ban chức năng và khoa Khoa học Tự nhiên đã tham dự Hội thảo. Sau 1 ngày làm việc, Hội thảo đã thống nhất cao về đổi mới phương pháp truyền thông cho phù hợp với đặc điểm dân cư từng vùng, miền của địa phương. Đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức và chú trọng nhiều tới hiệu quả truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, cách thức trồng trọt, chăn nuôi, làm vườn... có năng suất cao, hiệu quả kinh tế và lợi nhuận.

Kết quả thực hiện mô hình khuyến nông năm 2005

Trung tâm Khuyến nông quốc gia và trường Đại học Hùng Vương thực hiện Hợp đồng khuyến nông năm 2005, với 2 mô hình: Chuyển đổi cơ cấu tăng vụ ngô lai và Chăn nuôi gà thả vườn chất lượng cao (miền núi). Mô hình Ngô lai được tổ chức triển khai thực hiện tại xã Hạ Giáp, huyện

Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, quy mô 30 ha với 300 hộ nông dân tham gia. Mô hình Gà thả vườn được tổ chức triển khai thực hiện tại xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, quy mô 2000 con với 10 hộ nông dân tham gia. Tháng 12 năm 2005, các mô hình trên đã tổng kết nghiệm thu, đánh giá với sự có

mặt của đại biểu đại diện: Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đài truyền hình tỉnh, phòng Kinh tế huyện Phù Ninh, phòng Kinh tế thị xã Phú Thọ, lãnh đạo Đảng uỷ, UBND xã cùng các đoàn thể và nhân dân địa phương. Kết quả thu được là tốt đẹp, hiệu

quả kinh tế cao và đem lại lợi nhuận cho các hộ nông dân tham gia mô hình. Kết quả đó khẳng định cần có sự liên kết hữu cơ bền chặt của 4 nhà: nhà Nông, nhà Nước, nhà Khoa học, và nhà Doanh nghiệp (bao tiêu sản phẩm).

Bạn đã đọc Thông tin khoa học số 5 năm 2005 ?

Có thể bạn đã đọc hoặc chưa đọc Thông tin khoa học số 5. Xin thông báo để cùng hiểu là: Nhân dịp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2005, Thông tin khoa học số 5 đã được phát hành với hình thức đẹp, có nhiều ảnh tư liệu nói về một số hoạt động cơ bản của trường. Trong số này có những nội dung cơ bản sau:

+ Xã luận: 60 năm quang vinh của sự nghiệp GD - ĐT Việt Nam; Đổi mới các trường sư phạm: Đòi hỏi cấp bách.

+ Chùm bài viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: Bối cảnh lịch sử và mưu đồ cùng

thất bại của đế quốc Mỹ đối với Việt Nam; cuộc đời của liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm; thơ sau 1975 suy nghĩ và cảm nhận;

+ Chùm bài về đổi mới PPDH: Bắt đầu từ nội dung; chú trọng tính thực tiễn và rèn nghề cho SV sư phạm trong từng bài giảng toán; Đổi mới PP sử dụng thí nghiệm hoá học; Tổ chức cho SV NCKH phải được coi là hình thức tổ chức dạy học ở trường cao đẳng, đại học. Ứng dụng tính đóng đại số của trường số phức vào việc tìm công thức đạo hàm các cấp của hàm phân thức.



MỘT SỐ GIẢI PHÁP... (Tiếp theo trang 25)

Do đó với x đủ bé: $0 < x < \alpha < 1$ thì: $\frac{|\ln \sin x|}{\frac{1}{x^\alpha}} < 1$ hay $|\ln \sin x| = -\ln \sin x < \frac{1}{x^\alpha}$

mà $\int_0^1 \frac{dx}{x^\alpha}$ hội tụ, theo dấu hiệu so sánh, tích phân $\int_0^{\frac{\pi}{2}} |\ln \sin x| dx = - \int_0^{\frac{\pi}{2}} \ln \sin x dx$

hội tụ. Từ đó suy ra $\int_0^{\frac{\pi}{2}} \ln \sin x dx$ hội tụ.

Bài tập về nhà

1. Số: 781 → 791 (tr 86 - 87). Trần Đức Long - Nguyễn Đình Sang- Hoàng Quốc Toàn (tập 2 - NXB Đại học quốc gia Hà Nội).
2. Số $2_{a,b,c,d} + 5_{a,b,c,d}$ (tr 276 - 277). Vũ Tuấn (tập 2 - NXBGD).
3. Số $21_{a,b,c,d,e} - 22_{a,b,c,d,e}$ (tr 136 - 137). Nguyễn Đình Trí (tập 2 - NXBGD).